



LILAMA 3

kết liên sức mạnh ®

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Trụ sở: 86 Tân Xuân- Xuân Đình- Bắc Từ Liêm- Hà Nội

Tel: 024.38182554 Fax: 024.38182550



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021


Hà Nội, tháng 04/2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3**
Địa chỉ : **86 Tân Xuân- Xuân Đình-Bắc Từ Liêm- Hà Nội**
Năm báo cáo: **2021**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

Tên công ty:	Công ty Cổ phần LILAMA 3
Tên tiếng Anh:	LILAMA 3 Joint Stock Company
Tên viết tắt:	LILAMA 3.,JSC
Biểu tượng:	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	2600104526 (Đăng ký lần đầu ngày 22/06/2006 Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29/05/2019)
Vốn điều lệ:	51.500.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	
Địa chỉ:	Số 86, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội
Điện thoại	04. 3 8182554
Fax	04. 3 8182550
Website	www.lilama3.vn
Mã cổ phiếu	LM3

- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lilama 3 là thành viên của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tiền thân là Công trường lắp máy CI Việt trí được thành lập vào ngày 01/12/1960. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển đến nay. Với gần 1000 cán bộ nhân viên.công nhân kỹ thuật lành nghề cùng hệ

thống thiết bị thi công tương đối hiện đại, Công ty đã khẳng định được vị thế và thương hiệu của mình trên thị trường từng bước hội nhập với sự phát triển của khu vực và thế giới. Với bề dày lịch sử phát triển hơn nửa thế kỷ, các dự án, công trình do Công ty đảm nhiệm thi công đã và đang hoạt động tốt mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho đất nước như: Các Nhà máy Nhiệt Điện: Phả Lại, Uông Bí, Phú Mỹ, BARH - Ấn Độ, An Khánh, Vũng Áng, Mông Dương; Duyên Hải 3; Vĩnh Tân 4; Vĩnh Tân 4 Mở rộng; Thái Bình 2; Sông Hậu 1; Nghi Sơn 2.....; Các Nhà máy Thủy điện: Hoà Bình, Trị An, YALY, Ngòi Phát; Nậm Mạ; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng : Xi măng Chinfon Hải Phòng, Bim Sơn, Nghi sơn, Bút sơn Cẩm Phả, Yên Bình, Yên Bái, Xi măng Sông Thao, Hồng Phong – Lạng Sơn; Nhà máy giấy Bãi Bằng, Việt Trì, Tissue Cầu Đuống, Nhà máy sản xuất hoá chất: Supe phốt phát lâm thao, Tuyển quặng Apatít Lao cai, Giấy Phương Nam, Nhà máy chế biến bột CACOO3 Bắc Kạn, Các Nhà máy công nghiệp thực phẩm : Rượu Bia Hà Nội, Rượu Bia Viger, Đường Quý Hợp, Bia Tiger, Dự án Đóng sông vận chuyển vật liệu cho Nhà máy Xi măng Yên Bình, Dự án Trung Tâm Hội nghị Quốc Gia, Trung tâm thể thao Quốc gia, CT Honda Việt Nam, NM YAMAHA Việt Nam, NM điện tử SANKOH Hoà Bình, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Chế tạo kết cấu thép SHIP RAIL cho Nhật, Chế tạo Sàn nâng tàu Nosco Vinaline, CT Bộ Công An, Chế dầm thép cho CT Cầu Nhật Tân; CT Cục Viễn Thông; CT Vinacomin....

Tháng 6/2006, Công ty đã thực hiện quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần LILAMA 3 với vốn điều lệ là 11,5 tỷ đồng, đến tháng 6/2007 công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 51,5 tỷ đồng. Theo định hướng chiến lược phát triển đến năm 2010 và các năm tiếp theo Công ty chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề của cán bộ, công nhân. Cùng với sự đầu tư đúng hướng về con người Công ty còn quan tâm xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 nhằm đảm bảo chất lượng của các công trình đáp ứng những đòi hỏi khắt khe nhất của khách hàng. Với năng lực hiện có và kinh nghiệm thu được khi hợp tác với các tập đoàn lớn trên thế giới như ABB, Hyundai, Jacobsen.MaRuMeNi... để phát triển công ty trong những năm tới công ty luôn tìm và mở rộng các đối tượng khách hàng mở rộng thị trường kinh doanh mới. Đồng thời nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm trên cơ sở được công ty đầu tư tại Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc phục vụ cho thị trường sản xuất các sản phẩm cơ khí và các cấu kiện phục vụ cho các dự án xây dựng công trình lọc dầu, NM nhiệt điện, thủy điện, NM sản xuất giấy, xi măng, bên cạnh đó công ty cũng đang quan tâm tới công nghệ mới trong xây dựng nhà cao tầng với kết cấu dầm thép để tham gia sâu vào lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng hiện đại, ngoài ra công ty cũng tìm kiếm và phát triển lĩnh vực kinh doanh sang các đối tác nước ngoài như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức

Tháng 12 năm 2009 cổ phiếu của công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với:

Tên chứng khoán : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần LILAMA 3**
 Mã chứng khoán : **LM3**
 Số lượng cổ phiếu niêm yết : **5.150.000 cổ phiếu**

Ngày 31/03/2016, Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Lilama đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần Lilama 3 sang Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam – DATC.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- ✦ Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ôxy, que hàn, đá...);

- ✦ Khảo sát, thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc
- ✦ Tư vấn thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: Vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực thực phẩm;
- ✦ Thi công xây dựng: San ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ....
- ✦ Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; công trình dân dụng (nhà ở) giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng; đường dây tải điện và trạm biến thế;
- ✦ Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy; trang trí nội thất công trình;
- ✦ Chế tạo và lắp đặt: Thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- ✦ Thiết kế, đóng mới tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn; sửa chữa các loại tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- ✦ Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- ✦ Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, xăng dầu, khí hóa lỏng và chất đốt các loại;
- ✦ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- ✦ Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ và đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa đường thủy, đường bộ

2.2. **Địa bàn hoạt động:**

Do tính chất đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm xây dựng cơ bản các công trình, Dự án xây lắp ở địa bàn xa trụ sở, Công ty đang thực hiện thi công rất nhiều các hạng mục công trình trọng điểm như:

- ✦ Tỉnh Hà Tĩnh: Dự án NM Nhiệt điện Vũng Áng 1, do Tập đoàn dầu khí Quốc gia làm chủ đầu tư, Dự án NM thép Formosa Hà Tĩnh...

- ✦ Tỉnh Lào Cai: Dự án lắp dựng nhà máy tuyển quặng Apatit do Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam làm chủ đầu tư; Dự án Thủy điện Ngòi Phát do Công ty CP Phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) làm chủ đầu tư, Dự án DAP2....

- ✦ Tỉnh Thái Nguyên: Xây dựng và lắp đặt Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Tisco do Công ty CP Gang thép Thái nguyên làm chủ đầu tư; ...

- ✦ Tỉnh Hậu Giang: Công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1

- ✦ Tỉnh Thanh Hóa: CT NM Lọc hóa dầu Nghi Sơn; Nhiệt điện Nghi Sơn 2

- ✦ Tỉnh Phú Thọ: CT NM Giấy Bãi Bằng; NM Hóa Chất Việt Trì, NM Giấy VT

- ✦ Tỉnh Tuyên Quang: NM Giấy An Hòa; NM Quặng Sắt Hà Quang

- ✦ Và một số địa bàn khác như Duyên Hải – Trà Vinh, Nhơn Trạch – Đồng Nai, Vĩnh Tân 4- Bình Thuận, Phú Mỹ 2; Cần Thơ; Hưng Yên, Thái Bình

- ✦ TP Hà Nội: TT Hội nghị Quốc gia; Bảo tàng Hà Nội; Trụ sở Cục Viễn thông; Trụ sở Tập đoàn Than và khoáng sản Việt Nam (Vinacomin); Trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp- Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji; Trụ sở Media- tree; Nhà xưởng Đông Anh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

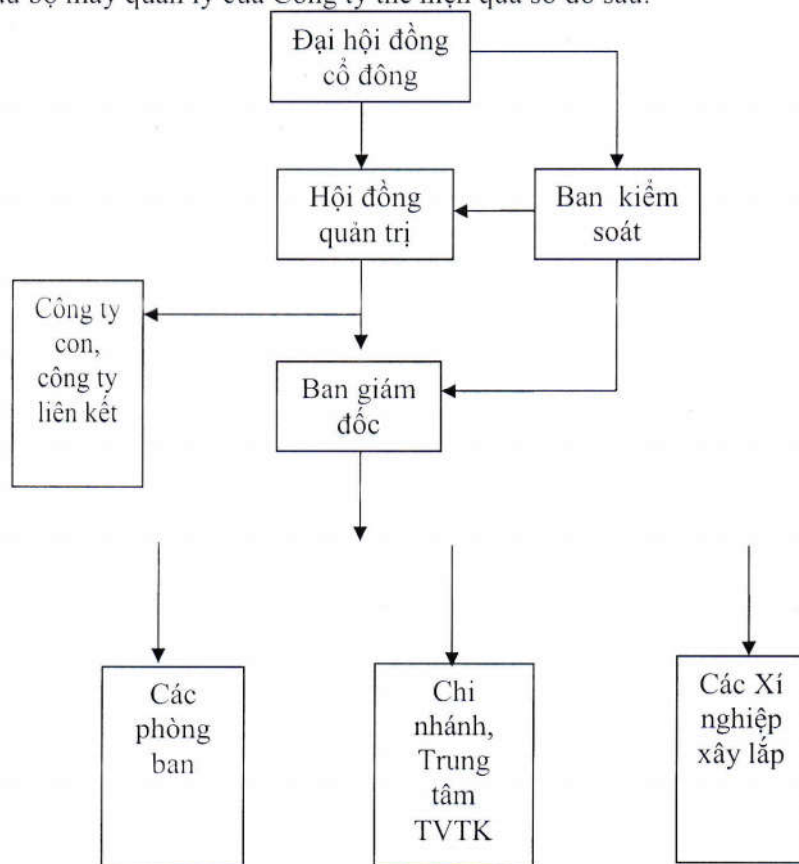
3.1. **Mô hình quản trị:**

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát, Ban giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức

của Công ty Mẹ được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua các Phó tổng giám đốc phụ trách khối.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu và người được cổ đông ủy quyền đều được tham dự ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết:

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.4:** Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3 và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2600658877.

+ Trụ sở chính: tại 931, Đại lộ Hùng Vương, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Đăng ký lần đầu, ngày 06/01/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17/06/2010 và thay đổi lần 4 ngày 10/02/2012 với Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng chẵn*) Công ty CP LILAMA 3 góp 51% vốn điều lệ tương ứng với: 3.060.000.000 đồng, các thể nhân khác góp 49% vốn điều lệ tương ứng với: 2.940.000.000 đồng.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, gia công kim loại; lắp đặt hệ thống điện nước; gia công cơ khí, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng, đường sắt, đường bộ; Kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xăng dầu và vật liệu xây dựng ...

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.3:** Được thành lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 3 và Giấy chứng nhận Kinh doanh được Sở kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp.

+ Trụ sở chính: Lô 24, 25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Đăng ký lần đầu: Giấy chứng nhận số 0104489681 ngày 12/02/2010, thay đổi lần 1 ngày 24/03/2010 với số vốn điều lệ là: 9.500.000.000 đồng (*Chín tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) trong đó vốn do Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 4.845.000.000 đồng tương đương 51% số cổ phần chi phối, Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh góp 950.000.000 đồng tương đương 10% số cổ phần chi phối, các cổ đông khác góp 3.705.000.000 đồng chiếm 39% số cổ phần chi phối.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, các sản phẩm thiết bị gia dụng, các sản phẩm máy móc thiết bị; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng...

Ngày 05/07/2021 Công ty cổ phần LILAMA3 đã chính thức thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần LILAMA3.3.

- **Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO (Công ty liên doanh)**

+ Địa chỉ: Lô 24, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Giấy phép kinh doanh số 012022000320-KD cấp lần đầu ngày 30/09/2012 với số vốn điều lệ là 11.400.000.000 đồng Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 5.814.000.000.000 đồng (*Năm tỷ, tám trăm mười bốn triệu đồng chẵn*) tương đương 51% VDL Công ty DAI NIPPON TORYO Nhật Bản góp: 5.586.000.000.000 đồng tương đương 49% VDL

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Thực hiện quyền nhập khẩu; quyền xuất khẩu; quyền phân phối buôn bán, bán lẻ các hàng hóa: Sơn, vecni làm từ các loại Polyme tổng hợp hoặc polymer tự nhiên; matit để gắn kính, ghép nối các vật liệu; thiết bị cơ khí để phun bắn, phun rải hoặc phun áp lực; các loại máy trộn, máy nhào, máy xay...

- **Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long**

+ Địa chỉ: Số 86 Đường Tân Xuân- P.Xuân Đình- Q.Bắc Từ Liêm- Hà Nội

+ Sở kế hoạch đầu tư TP Hà nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100105542 lần đầu ngày 02/05/1996, thay đổi lần thứ tám ngày 21/04/2020 với số Vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng (*Mười năm tỷ đồng chẵn*) trong đó Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 10.800.000.000 đồng (*Mười tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn*) tương đương 72% VDL, các cổ đông khác 4.200.000.000 đồng tương đương 28% VDL

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: xây lắp cầu đường...

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu phát triển chủ yếu của Công ty:

+ Mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh trong nước, khu vực và thế giới.

+ Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường chiến lược dọc theo hành lang Sông thao, khu vực lân cận và thị trường miền Trung, Miền Nam; Miền Tây...

+ Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

+ Chú trọng khai thác tiềm năng chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Tiếp tục dịch chuyển cơ cấu sản xuất, nâng cao tỷ trọng chế tạo thiết bị trong tổng doanh thu để giảm bớt các yếu tố rủi ro trong ngành xây lắp.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID 19 dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Nền kinh tế của Thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng cũng gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh kéo dài. Trong năm 2022, LILAMA 3 tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, khai thác tiềm năng chế tạo sản phẩm cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài, hợp tác liên doanh với các đối tác nước ngoài để thực hiện một số dự án thi công các công trình xây dựng cơ bản trong nước như các nhà máy Nhiệt điện...

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Là một đơn vị sản xuất sản phẩm xây lắp có chu kỳ sản xuất dài, sản xuất thi công tại các địa bàn khác nhau ở trong nước song LILAMA3 luôn luôn xác định mục tiêu: Đảm bảo về môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh phát triển mô hình cũng như tìm kiếm các nguồn lực sản xuất, Công ty luôn chú trọng tới việc vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên với những việc cụ thể như cung cấp nước sạch hợp vệ sinh và điều kiện môi trường nơi sinh sống, cải thiện điều kiện ở của công nhân tại các công trường; hạn chế sự gia tăng ô nhiễm, đồng thời tích cực phòng ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp. Với xã hội và cộng đồng, LILAMA3 luôn cam kết trở thành đối tác đáng tin cậy với tất cả các bên hữu quan, xây dựng và duy trì mối quan hệ tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. LILAMA3 đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định của tất cả người lao động. LILAMA3 có rất nhiều mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp, nỗ lực tạo niềm tin và định hướng phát triển của Công ty trong tương lai với các đối tác.

5. Các rủi ro (Các rủi ro được trình bày cụ thể trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 – Mục VIII: Phần thuyết minh Báo cáo tài chính)

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

✦ Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021 dịch bệnh Covid- 19 đã tác động rất lớn đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội nói chung và sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, doanh thu sụt giảm nghiêm trọng do các dự án bị tạm dừng thi công, kéo dài thời gian thi công, một số dự án dự kiến triển khai trong năm tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Chủ đầu tư kéo dài thời gian khởi công dẫn đến tình trạng thiếu việc

làm, doanh thu năm 2021 chỉ đạt 31,8% so với kế hoạch năm 2021 và chỉ đạt 36% so với năm 2020. Việc thu hồi vốn cũng gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, tại các Dự án đã thi công, hoặc tạm dừng thi công từ nhiều năm trước gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi cơ cấu nhân sự, thay đổi Chủ sở hữu của Chủ đầu tư nay càng trở nên khó khăn hơn khi liên tục tạm dừng gián đoạn do phải thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Doanh thu giảm sút, thu hồi vốn khó khăn dẫn đến Công ty không đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn tại Ngân hàng, tiền nợ BHXH, nợ Thuế, tiền nợ DATC và các Nhà cung cấp...

± **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2021 là năm tài chính thứ mười sáu của Công ty cổ phần LILAMA 3 hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Tổng doanh thu	:	26.407.134.364, đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	:	(11.322.369.551), đồng
- Thu nhập bình quân người/ tháng	:	8.277.193, đồng

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành:

Ban điều hành Công ty hiện nay có một Tổng Giám đốc, ba Phó tổng giám đốc điều hành, 01 Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nghị quyết được thông qua hợp thức.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tăng Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Đình Tiến Thành	Phó Tổng Giám Đốc	
Nguyễn Hải Phong	Phó Tổng Giám Đốc	
Nguyễn Đức Thịnh	Kế toán trưởng	

Lý lịch tóm tắt của Ban điều hành công ty:

1. Ông Nguyễn Tiến Thành – Tổng giám đốc công ty.

Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/10/1974
Số CCCD	015074000081
Nơi sinh	Yên Bái
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Quê quán	Xuân Lũng - Lâm Thao - Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	Tổ 70B-Láng Hạ-Đống Đa-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 09/1997 đến 10/2001: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 11/2001 đến 9/2003: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 10/2003 đến 3/2006: Phó Giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng số 3. - Từ 04/2006 đến Tháng 7/2011: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3. - Từ Tháng 9/2011 đến nay: Tổng giám Đốc Công ty CP LILAMA3
Chức vụ công tác hiện nay	Tổng Giám Đốc Công ty CP LILAMA3

2. Ông: Nguyễn Tăng Phượng – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	27/12/1965
Số CMTND	011304477
Nơi sinh	Quảng Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 3-548/15 Nguyễn Văn Cừ-Long Biên-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	0210.3910.510
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 08/1989 đến 05/1996: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 06/1996 đến 08/1998: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 09/1998 đến 07/2000: Phó trưởng đại diện LILAMA tại dự án Nhiệt điện Phả Lại. - Từ 08/2000 đến 04/2001: Học viên Trường

đào tạo cán bộ ngành xây dựng.

- Từ 05/2001 đến 09/2001: Trưởng đại diện LILAMA Granit Tiên Sơn.
- Từ 10/2001 đến 09/2006: Phó Giám đốc Công ty chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng.
- Từ 10/2006 đến 09/2007: Phó giám đốc Ban quản lý dự án huyện Gia Lâm.
- Từ 10/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

Chức vụ công tác hiện nay

Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

3/ Ông Đinh Tiến Thành- Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	06/12/1981
Số CMTND	164110568
Nơi sinh	Ninh Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	A30, Tổ 58, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ tháng 8/2004 đến tháng 01/2006: Kỹ sư xây dựng tại Trung tâm Tư vấn thiết kế- Công ty CP LILAMA 3.- Từ tháng 02/2006 đến 09/2009: giữ chức vụ Phó giám đốc Trung tâm TVTK- Từ Tháng 10/2009 đến tháng 9/2019: giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm TVTK- Từ Tháng 9/2019 đến nay: giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP LILAMA3 kiêm Giám đốc Trung tâm TVTK.

4/ Ông Nguyễn Hải Phong- Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	04/12/1974
Số CMTND	011895860
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	P 205, B3- Nghĩa Tân- Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 8/2005 đến tháng 10/2005: Nhân viên Trung tâm tư vấn thiết kế - Lilama 3-Văn phòng đại diện của Lilama3 tại Hà Nội. - Từ tháng 11/2005 đến tháng 02/2007: Nhân viên phòng Vật tư Công ty LILAMA3 phụ trách tìm kiếm các loại vật tư, thiết bị tại khu vực Hà Nội phục vụ cho dự án. - Từ tháng 3/2007 đến tháng 3/2008: Phó phòng vật tư Công ty LILAMA3 - Từ tháng 4/2007 đến tháng 8/2011: Quyền Trưởng phòng Vật tư Công ty LILAMA3 - Từ tháng 9/2011: Tổng giám đốc Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO. - Từ tháng 8/2018 tháng 8/2019: Chuyên gia tư vấn kinh doanh - Công ty Cổ phần LILAMA3. - Tháng 9/2019 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA 3 kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO.

5/ Ông Nguyễn Đức Thịnh- Kế toán trưởng

Giới tính	Nam
Ngày sinh	14/08/1987
Số CMTND	168252094
Nơi sinh	Hà Nam

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Liêm Trung- TP Phủ Lý- Tỉnh Hà Nam
Địa chỉ thường trú	Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhận kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/04/2011 đến tháng 10/2012: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty CP LILAMA 3. - Từ tháng 10/2012 đến tháng 12/2015: Phụ trách kế toán tại Trung tâm tư vấn thiết kế - Từ tháng 01/2016 đến tháng 8/2019: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty kiêm Phụ trách kế toán tại Trung tâm Tư vấn thiết kế. - Từ tháng 9/2019 đến Nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Danh sách Ban điều hành Công ty:

T T	Tên cổ đông	Chức vụ	Đại diện vốn Nhà nước		Sở hữu cá nhân		Biến động
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT – Tổng Giám Đốc			77.401	1,504%	
2	Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó tổng giám đốc			9.500	0,184%	
3	Nguyễn Đức Thịnh	Kế toán trưởng			0	0%	
4	Đình Tiến Thành	Phó tổng giám đốc			20.674	0.401%	
5	Nguyễn Hải Phong	Phó tổng giám đốc			5.000	0.097%	

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên trong năm:

+ Số lượng cán bộ công nhân viên bình quân năm 2021: 92 lao động

+ Chính sách đối với người lao động: Mặc dù sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, việc thanh toán lương còn chậm chưa được kịp thời. Tuy nhiên công ty vẫn cố gắng giải quyết chế độ cho người lao động được kịp thời đáp ứng nguyện vọng người lao động, người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty. Hàng năm Công ty có tổ chức Hội nghị người lao động nhằm mục đích lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của người lao động về các chính sách lao động, thỏa ước tập thể từ đó Công ty đưa ra những chính sách phù hợp và có lợi ích nhất cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án; tình hình hoạt động và tài chính các công ty con, công ty liên kết:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2021 Công ty không thực hiện việc đầu tư sửa chữa lớn

3.2. Tình hình hoạt động SXKD của các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty cổ phần LILAMA3.4.

- Trong năm 2021, Công ty đã dừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh để xử lý các tồn tại.

b. Công ty cổ phần LILAMA3.3

- Ngày 05/07/2021 Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần LILAMA3.3, do đó từ ngày 05/07/2021 Công ty cổ phần LILAMA3.3 không còn là công ty con trực thuộc nữa.

c. Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO

Năm 2021 Công ty chỉ cung cấp dung môi được sản xuất trong nước cho các khách hàng của DNT Nhật Bản cũng như các khách hàng khác có nhu cầu đến hết tháng 7/2021. Sau đó có quyết định của DNT Nhật bản chuyển giao lại khách hàng mua dung môi cho Công ty Fuji Star Roof dẫn đến doanh thu bị sụt giảm.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty TNHH LILAMA3 – Dai Nippon Toryo:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Ghi chú
- Tổng tài sản	Triệu đồng	4.254	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.499	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(2.275)	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	223	
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(2.051)	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(2.051)	

- Kế hoạch SXKD năm 2022: Ngày 05/12/2017 Hội đồng thành viên Công ty đã họp và quyết định sẽ giải thể Công ty trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Hiện tại Hội đồng thành viên của Công ty vẫn chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng i) Tiếp tục giải thể công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của công ty; hoặc ii) cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba. Tuy nhiên khả năng cơ cấu lại hoặc chuyển nhượng phần vốn này phụ thuộc vào việc công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ của công ty cũng như việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu

Để duy trì Công ty trong thời gian giải quyết các tồn đọng, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 bình thường.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng (+) /giảm (-)
- Tổng tài sản	191.796,9	167.483,4	
- Doanh thu thuần	73.400,7	73.400,7	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(25.490,9)	(15.422,4)	
- Lợi nhuận khác	(47.336,2)	4.100,1	
- Lợi nhuận trước thuế	(72.827,2)	(11.322,3)	
- Lợi nhuận sau thuế	(72.827,2)	(11.322,3)	
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	0.00037	0.00067	
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	-0.03787	-0.03716	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	3.0738	3.4424	
- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	11.447	11.195	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	3.2515	1.1118	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.38270	0.15767	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	-0.99219	-0.42876	
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	-1.41412	-0.21985	
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	-0.37971	-0.06760	
- Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	-0.34728	-0.58402	
-			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

5.1. **Cổ phần:** Tổng số cổ phần của Công ty CP LILAMA3 đã phát hành là 5.150.000 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại là: 5.150.000 cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 0%
- Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp: Không có.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Đến thời điểm hiện nay cơ cấu vốn góp của thành viên góp vốn trong nước trước đại hội cổ đông thường niên năm 2022 là

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam - DATC	51 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.563.600	25.636	49,78%
	- Ông Lưu Văn Kính		515.000		10,00 %
	- Ông Nguyễn Quốc Khánh		772.500		15,00%
	- Ông Nguyễn Văn Thuyết		1.276.100		24,78%
2	Các tổ chức khác		132		
	Công ty CP chứng khoán MB	Tầng M3-7 số 3 Liễu Giai, Ba Đình, HN	63		
	Công ty CP chứng khoán SSI	72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé – Q1- TPHCM	22		
	Công ty CP chứng khoán Tân Việt	Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	14		
	Công ty CP chứng khoán Guotai Junan Việt Nam	P9-10, Tầng 1, Charm Vít Tower, số 117 đường Trần Duy Hưng, P.Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội	33		
3	Sở hữu cá nhân		2.552.468		
3.1	Ông Phan Kim Lân	49 Ngõ 48 Thọ Lão, Hai Bà Trưng - HN	102.298	1,022,980	1,98%
3.2	Ông Phạm Công Hoan	33D, ngõ 110 phố Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	77.648	776,480	1,508%
3.3	Ông Đỗ Huy Vũ	Phú Thượng – Hà Nội	12.908	129.080	0,251%
3.4	Ông Nguyễn Tiến Thành	P505 C9B Nam Thành Công, Đống Đa, HN	77.401	774.010	1,503%
3.5	Các cá nhân khác		2.282.213	22.822.130	44,31 %
4	Cổ đông nước ngoài		33.800		
4.1	Yukiyoshi Taguchi	Japan	20.800		
4.2	LIN Wan Chu	Taiwan	13.000		

- Thông tin chi tiết về Cổ đông sáng lập là tổ chức:

TT	Tên cổ đông	Ngành nghề	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Chế tạo, xây dựng, lắp đặt	124- Minh Khai – HN	0 CP	0%	Giảm

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập là cá nhân:

T	T	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1		Phan Kim Lân	1960	49 Ngõ 48 Thọ Lão, Hai Bà Trưng - HN	Tổng giám đốc	102.298	1,98%	Tăng
2		Đỗ Huy Vũ	1974	Phú Thượng – Hà Nội		12.408	0,25%	Giảm
3		Phạm Công Hoan	1959	33D, ngõ 110 phố Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	Kế toán trưởng	77.648	1,51%	Tăng
4		Vũ Văn Định	1958	Phố Huế - Hai Bà Trưng – Hà Nội		0	0%	Giảm

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2021

Công ty không đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra cụ thể.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	TH2021/KH 2021
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	88,282	26,998	30.58%
2	Doanh thu chưa thuế	Tỷ VNĐ	82,921	26,407	31.85%
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	10,045	2,128	21.18%
4	Quỹ lương	Tỷ VNĐ	29,188	9,138	31.31%
5	LĐ SD bình quân	Người	270	92	34.07%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.VNĐ	8,424	8,277	98.25%
7	Đầu tư	Tỷ VNĐ	-	-	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(12,286)	(11,322)	

9	Dự kiến chia cổ tức	%	0	-	
---	---------------------	---	---	---	--

Đánh giá chung:

- Năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp cùng với các biện pháp giãn cách để tránh dịch đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc giãn cách làm cho việc thi công các công trình bị ngưng trệ, các công trình không thi công đúng theo tiến độ... dẫn đến chậm nghiệm thanh toán và thu hồi vốn chậm trong khi đó Công ty vẫn phải duy trì bộ máy, trả lương nhân viên, thanh toán chi phí thuê Văn phòng, thuê kho bãi nhà xưởng, nhà ở cho công nhân, lương chờ việc, trả bảo hiểm xã hội...

- Doanh thu sụt giảm nghiêm trọng do các dự án bị tạm dừng thi công, kéo dài thời gian thi công, một số Dự án Công ty dự kiến triển khai thi công trong năm tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Chủ đầu tư kéo dài thời gian khởi công dẫn đến tình trạng thiếu việc làm.

- Mặt khác, ảnh hưởng của dịch bệnh cũng gây nên thực trạng khó khăn về tài chính cho rất nhiều khách hàng của Công ty, việc thu hồi vốn gặp rất nhiều khó khăn, các đối tác đầu ra xin giãn nợ cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng nguồn thu không đủ để thanh toán các khoản phải trả đến hạn.

- Công tác thu hồi nợ các dự án đã thi công, công nợ cá nhân: Gặp rất nhiều khó khăn do việc thực hiện các biện pháp phòng tránh dịch bệnh dẫn đến các bộ phận nghiệp vụ không có đủ điều kiện để triển khai các bước trong công tác thu hồi vốn. Công nợ tồn đọng tại các dự án từ năm 2017 trở về trước còn nợ đọng rất lớn, chưa thu hồi được nguyên nhân chính là do một số Chủ đầu tư, Tổng thầu tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh, thay đổi Chủ sở hữu, thay đổi cơ cấu nhân sự. Một số dự án phải dừng triển khai (nhà máy gang thép Thái Nguyên); Công nợ một số cá nhân chưa thu hồi hết; Việc không thu hồi công nợ kịp thời dẫn đến chưa đáp ứng được tiến độ cấp vật tư, tiến độ thanh toán lương cho người lao động và các khoản thanh toán khác đến hạn.

- Thị trường ngành xây lắp bị sụt giảm, cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị có cùng ngành nghề dẫn đến thị trường của Công ty bị sụt giảm và thu hẹp.

- Lỗi lũy kế lớn, Vốn chủ sở hữu âm đã ảnh hưởng đến việc tìm kiếm, mở rộng và khai thác thị trường, công ty không thể tham gia đấu thầu mà chỉ làm thầu phụ dẫn đến đơn giá thấp, rủi ro trong thanh toán, cũng như khó khăn trong việc thực hiện các hợp đồng đã ký.

2. Tình hình tài chính

2.1.Tài sản

Tổng tài sản năm 2021 là 167,4 tỷ đồng (chỉ bằng 87% năm 2020 : 191,7 tỷ đồng) trong đó:

+ Nợ phải thu giảm từ 100,3 tỷ đồng(năm 2020) xuống còn 78,3 tỷ đồng (năm 2021) do trong năm công ty đã Quyết toán thanh lý được một số các công trình cũ như: Dệt Nam Định , CT MB-Tree...

+ Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi giảm: do trong năm công ty đã thu hồi được một phần công nợ của các dự án đã trích lập dự phòng trước đây như: Giấy Vạn Điểm; KC Cottel

2.2.Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả năm 2021 là 576,5 tỷ đồng (bằng 97,7% năm 2020: 589,5 tỷ đồng) trong đó:

+ Phải trả người bán giảm từ 74,9 tỷ đồng (năm 2020) xuống còn 56,1 tỷ đồng (năm 2021) là do giảm phải trả Công ty TNHH OKWON (đối trừ công nợ theo biên bản bù trừ công nợ 3 bên sau khi quyết toán thanh lý CT Dệt Nam Định).

+ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm từ 11,6 tỷ đồng (năm 2020) xuống còn 5,001 tỷ đồng (năm 2021) là do trong năm Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại số thuế thực tế phải nộp sau khi có quyết định của Thanh tra thuế, giảm thuế, miễn giảm tiền chậm nộp theo quy định của Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp chịu tác động các dịch bệnh Covid 19.

3. Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý

Phương án thực hiện tái cơ cấu mô hình tổ chức Công ty mẹ: Thực hiện tinh giảm biên chế và sáp nhập các phòng ban nhằm quản lý đồng bộ đã đem lại hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2022 và trong tương lai:

4.1. Định hướng chiến lược năm 2022:

- Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA 3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Hợp tác với các đơn vị có khả năng tài chính để cùng hợp tác tham gia thi công các dự án trọng điểm Quốc gia về Nhiệt điện, thủy điện và các công trình phụ trợ...

4.2. Kế hoạch SXKD năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tốc độ tăng trưởng(%)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	26,998	123,981	359%
2	Doanh thu chưa thuế	Tỷ VNĐ	26,407	120,016	354%
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	2,128	10,800	408%
4	Quỹ lương	Tỷ VNĐ	9,138	33,720	269%
5	LĐ SD bình quân	Người	92	340	269%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.VNĐ	8,277	9,104	10%
7	Đầu tư	Tỷ VNĐ	0	0	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(11,322)	0,860	
9	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	

4.3. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2022

Vào cuối tháng 1 năm 2022, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã hoàn tất việc bán đấu giá toàn bộ 2,563 triệu cổ phần (tương đương hơn 49% Vốn điều lệ) và khoản nợ phải thu

đối với Công ty cổ phần Lilama 3 (LM3) có giá trị hơn 381 tỷ đồng. Thông qua đấu giá công khai tại SHS. Ban giám đốc cũng đã làm việc nhóm Nhà đầu tư mới trong việc tìm kiếm các giải pháp tháo gỡ khó khăn về mặt tài chính cho Đơn vị. Các Nhà đầu tư mới cam kết, bên cạnh việc đầu tư thêm nguồn lực tài chính vào doanh nghiệp sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm, tái cấu trúc tài chính cho doanh nghiệp bằng cách xóa nợ, chuyển nợ thành vốn góp, phê duyệt các biện pháp cơ cấu tài chính để doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng âm Vốn chủ sở hữu

Trong năm 2022, Ban điều hành sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Về Tài chính:

- Lập phương án và trình Nhà đầu tư mới phê duyệt, gấp rút thực hiện việc Tái cơ cấu tài chính cho doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng Âm vốn chủ sở hữu.

- Làm việc với các tổ chức tín dụng, ngân hàng để tăng hạn mức tín dụng, tăng hạn mức cho vay Vốn lưu động để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh toán các công trình đã và đang thi công nhằm thu hồi vốn thanh toán nợ thuế qua đó giải tỏa cường chế hóa đơn.

- Bố trí kịp thời nguồn vốn phục vụ công tác thi công các công trình. Ưu tiên thanh toán lương cho người lao động, nợ đọng thuế. Về nợ đọng bảo hiểm xã hội: Thanh toán toàn bộ số BHXH, BHYT phát sinh trong năm và ưu tiên 1 phần nguồn để thanh toán trả nợ cụ.

- Nâng cao hiệu quả của công tác thu hồi vốn bằng việc phân công cụ thể rõ ràng cho từng cán bộ công nhân viên, giám sát chặt chẽ, đôn đốc xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện, thường xuyên theo dõi và đánh giá hiệu quả quản lý khoản nợ phải thu. Đa dạng các hình thức thu nợ, sử dụng dịch vụ thu hồi nợ của các công ty.

Về công tác quản trị sản xuất:

- Tiếp tục củng cố, ổn định công tác quản lý sản xuất từ văn phòng Công ty xuống đến các Xí nghiệp, nhà máy.

- Củng cố công tác giám sát, quản lý thi công tại các công trình tiến tới đảm bảo tiến độ, chất lượng sản phẩm. Kịp thời lập và hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán với chủ đầu tư, quyết toán với công ty trong các hợp đồng giao khoán, thầu phụ.

- Xác định tổng chi phí đầu vào của từng dự án trên cơ sở dự toán thi công trước khi thi công. Giao khoán và ký các HĐ giao khoán với các đơn vị thi công và các nhà thầu phụ kịp thời. Thanh, quyết toán kịp thời các hợp đồng giao khoán.

- Ưu tiên dành nguồn tài chính để chi trả hoặc tạm ứng tiền lương hàng tháng đều đặn. Giải quyết chính sách tiền lương, chế độ cho người lao động, cải tiến chính sách chế độ tiền lương theo hướng linh hoạt hơn để đảm bảo sự công bằng, hợp lý và phù hợp với trình độ năng lực của từng người.

- Tổ chức đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của người lao động nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc, có hình thức trả lương xứng đáng cho những lao động có tay nghề cao, gắn bó lâu dài với Công ty.

- Cung cấp vật tư kịp thời đáp ứng tiến độ của dự án ...để tránh lãng công đồng thời cân đối giá thành theo hướng tiết kiệm chi phí để bù đắp tăng quỹ lương và hỗ trợ bổ sung các nguồn lực khác nhằm tăng thu nhập cho người lao động...

- Tiếp tục xây dựng và kiện toàn bộ máy tổ chức trong toàn Công ty đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

Về công tác tìm kiếm mở rộng thị trường:

- Sẽ tập trung tìm kiếm mở rộng thị trường, trong đó ưu tiên tìm kiếm những hợp đồng có giá trị lớn, chỉ thực hiện các hợp đồng nhỏ khi cần đảm bảo công ăn việc làm liên tục cho người lao động. Mở rộng thị trường bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy.

- Đẩy nhanh tiến trình tài cơ cấu tài chính, lành mạnh tình hình tài chính của Công ty, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, công ty có thể tham gia đấu thầu mở rộng, tìm kiếm thị trường, nâng cao tỷ suất lợi nhuận, thuận lợi trong việc tiếp cận và huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Về tổ chức và lao động:

- Ưu tiên việc thanh toán lương và các chế độ cho người lao động, ưu tiên thanh toán số phát sinh bảo hiểm năm 2022, thanh toán đối với các trường hợp nghỉ chế độ.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức trong toàn Công ty.

- Tuyển dụng, đào tạo lực lượng lao động đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực trong năm 2022.

Về việc đầu tư vào các công ty thành viên:

- Công ty cổ phần LILAMA 3.4: Hiện nay không có khả năng phục hồi, tuy nhiên do còn vướng mắc trong việc quyết toán dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc do vậy kiến nghị: Sau khi hoàn thành quyết toán dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc, đối chiếu xác nhận công nợ, tiến hành thủ tục phá sản doanh nghiệp.

- Công ty TNHH LILAMA 3-DNT: Tìm kiếm đối tác chuyển nhượng phần vốn góp đảm bảo quyền lợi LILAMA 3, trường hợp không tìm kiếm được khách hàng tiến hành các thủ tục giải thể liên danh.

- Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 3 đã giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn của Lilama 3 tại Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long chỉ đạo Ban điều hành CTCP XD số 8 Thăng Long thực hiện công tác Kiểm toán báo cáo tài chính từ các năm 2010 đến nay để rà soát và đánh giá lại các đối tượng công nợ phải thu, phải trả và tồn đọng, trên cơ sở số liệu kiểm toán, lập phương án Cơ cấu tài chính, phương án thu hồi, thanh toán các khoản công nợ còn tồn đọng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Trên cơ sở các số liệu báo cáo, LILAMA 3 xem xét hỗ trợ CTCP XD số 8 Thăng Long trong công tác tìm kiếm việc làm, giao khoán lại một phần công việc của LILAMA 3 phù hợp với năng lực, chuyên môn của Đơn vị để từng bước tháo gỡ khó khăn, khôi phục lại sản xuất kinh doanh.

Về việc quản lý khai thác tài sản hiện có:

- Tiếp tục rà soát toàn bộ năng lực thiết bị thi công, tài sản của công ty, vật tư hàng hóa đang tồn đọng, thống nhất biện pháp quản lý và khai thác có hiệu quả. Thanh lý các tài sản khai thác không hiệu quả. Tìm kiếm khách hàng cho thuê xe, cầu, giàn giáo hiện có của Công ty.

- Đối với Nhà máy chế tạo cơ khí Bến Gót: Làm việc với các cơ quan có liên quan hoàn thiện hồ sơ gia hạn thời gian sử dụng đất và lên phương án khai thác hiệu quả tài sản này.

5. Giải trình ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp số 012/2022/BCKTTH-PB.00407 và Báo cáo tài chính Hợp nhất số 012/2022/BCKTHN-PB.00407 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần LILAMA3 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chi nhánh phía Bắc phát hành ngày 16 tháng 03 năm 2022

Liên quan tới Báo cáo tài chính năm 2021 được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chi nhánh Phía Bắc trong đó số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 đã được điều chỉnh hồi tố trên Báo cáo kiểm toán năm 2021 cũng như ý kiến Kiểm toán không chấp nhận toàn phần đối với báo cáo. Để làm rõ nội dung này, Công ty cổ phần LILAMA3 xin giải trình như sau:

5.1/ Điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2020

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/06/2021, Ban giám đốc đã điều chỉnh hồi tố chi phí tại Nhà máy đóng tàu Bạch hạc chưa đủ điều kiện quyết toán số tiền 71.391.018.932 đồng như sau:

- Giảm chi phí khác
- Tăng tài sản thiếu chờ xử lý

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này đến số liệu so sánh năm trước như sau:

a/ Số liệu năm 2020 trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021:

Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC Kiểm toán năm 2020 đã công bố	Số điều chỉnh Tăng (+)/ Giảm (-)	Số liệu năm 2020 sau điều chỉnh trên BCTC Kiểm toán năm 2021
Bảng cân đối kế toán tổng hợp			
Tài sản		71,391,018,932	
Tài sản Thiếu chờ xử lý	557,875,949	71,391,018,932	71,948,894,881
Nguồn Vốn		71,391,018,932	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(542,302,987,574)	71,391,018,932	(470,911,968,642)
Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tổng hợp			
Chi phí khác	119,494,425,477	(71,391,018,932)	48,103,406,545
Lợi nhuận khác	(118,727,312,368)	71,391,018,932	(47,336,293,436)
Lợi nhuận kế toán trước Thuế	(144,218,276,933)	71,391,018,932	(72,827,258,001)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(144,218,276,933)	71,391,018,932	(72,827,258,001)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp			
Tăng, giảm các khoản phải thu	(2,730,140,692)	(71,391,018,932)	(74,121,159,624)
Lợi nhuận trước thuế	(144,218,276,933)	71,391,018,932	(72,827,258,001)

b/ Số liệu năm 2020 trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021:

Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC Kiểm toán năm 2020 đã công bố	Số điều chỉnh Tăng (+)/ Giảm (-)	Số liệu năm 2020 sau điều chỉnh trên BCTC Kiểm toán năm 2021
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Tài sản		71,391,018,932	
Tài sản Thiếu chờ xử lý	1,376,684,181	71,391,018,932	72,767,703,113
Nguồn vốn		71,391,018,932	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(569,215,148,610)	71,391,018,932	(497,824,129,678)
Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất			
Chi phí khác	120,520,944,007	(71,391,018,932)	49,129,925,075
Lợi nhuận khác	(119,273,859,768)	71,391,018,932	(47,882,840,836)
Lợi nhuận kế toán trước Thuế	(144,693,619,311)	71,391,018,932	(73,302,600,379)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(144,693,619,311)	71,391,018,932	(73,302,600,379)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(144,434,756,603)	71,391,018,932	(73,043,737,671)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Tăng, giảm các khoản phải thu	(5,317,569,542)	(71,391,018,932)	(76,708,678,474)
Lợi nhuận trước thuế	(144,693,619,311)	71,391,018,932	(73,302,600,379)

5.2/ Về ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán năm 2021:

+ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đính kèm không bao gồm Hợp nhất báo cáo tài chính công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long do: cuối năm 2018 và đầu năm 2019 đơn vị mua lại 36% cổ phần của Công ty xây dựng số 8 Thăng Long từ Tổng Công ty Thăng Long và mua lại 36% cổ phần từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Hiện đơn vị là Công ty mẹ của Công ty xây dựng số 8 Thăng Long với tỷ lệ 72% vốn cổ phần. Theo quy định đơn vị phải thực hiện hợp nhất bao gồm cả báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long tuy nhiên do Công ty này đã dừng hoạt động từ vài năm nay, chưa giải quyết được các tồn đọng cũ, các số liệu về báo cáo tài chính từ năm 2015;2016;2017;2018 của Công ty này cung cấp đều chưa được Kiểm toán. Do mới tiếp nhận lại và đang thực hiện nắm bắt lại tình hình thực tế tại Công ty này nên đơn vị chưa công nhận số liệu đã được cung cấp. Đơn vị đã lên kế hoạch mời đơn vị Kiểm toán vào rà soát kiểm tra lại các số liệu sổ sách, khi số liệu được Kiểm toán đơn vị sẽ thực hiện Hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định.

+ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đính kèm không bao gồm Hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty cổ phần LILAMA3.3 từ ngày 01/01/2021 đến ngày 05/07/2021 là do ngày 05/07/2021 Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần LILAMA3.3 nên từ ngày 05/07/2021 Công ty cổ phần LILAMA3.3 đã không còn là công ty con trực thuộc nữa, do đó Công ty đã không thực hiện hợp nhất báo cáo.

+ Báo cáo tài chính năm 2017; 2018; 2019; 2020 và năm 2021 của Công ty cổ phần LILAMA3.4 chưa được kiểm toán là do Công ty này đã dừng hoạt động từ năm 2017, các cán bộ

công nhân viên của công ty đã chuyển công tác, hiện tại Công ty đang tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn đọng.

+ Công ty TNHH LILAMA3-Dai Nippon Toryo có số Lỗ lũy kể đến 31/12/2021 là 11.072.635.249 đồng, Công ty này đã có quyết định giải thể trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, hội đồng thành viên của Công ty chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng i) tiếp tục giải thể công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty; hoặc ii) cơ cấu lại phần vốn sở hữu của hai nhà đầu tư trong công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba. Tuy nhiên khả năng cơ cấu lại hoặc chuyển nhượng phần vốn này phụ thuộc vào việc Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ của Công ty, cũng như việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư. Tuy nhiên hiện tại Quý 1/2022 việc thu hồi nợ vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, vẫn chưa thể hoàn thành ngay được, vì vậy vẫn chưa xác định được thời gian giải thể và công ty này vẫn đang hoạt động bình thường.

+ Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng do sau khi mua lại khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và mua lại 72% cổ phần của Công ty CP xây dựng số 8 Thăng Long. Đơn vị có phát sinh Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty XD số 8 Thăng Long trong việc sử dụng, khai thác Văn phòng và nhà kho tại địa chỉ số 86 Tân Xuân- Phường Xuân Đình- Q.Bắc Từ Liêm- TP Hà Nội. Sau khi hoàn thành biên bản đối chiếu, xác nhận khối lượng hoàn thành, công nợ, Đơn vị sẽ cần trừ một phần công nợ của hợp đồng hợp tác đầu tư để giảm nợ phải thu của Công ty XD số 8 Thăng Long nên đơn vị chưa thực hiện trích lập dự phòng

+ Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, đơn vị Kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận của một số khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 là do tình hình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đặc biệt là trong khoảng thời gian từ Tháng 1 và 2 năm 2022 (thời gian để thu thập thông tin cung cấp cho kiểm toán) việc đối chiếu, xác nhận công nợ bị hạn chế trong phương thức trao đổi dẫn đến việc thống nhất xác nhận số liệu bị kéo dài, không kịp thời. Mặt khác cũng do ảnh hưởng của dịch bệnh, suy thoái kinh tế, một số khách hàng đã tạm dừng hoạt động, thay đổi trụ sở làm việc, thay đổi pháp nhân dẫn đến đơn vị chưa có cơ sở xác nhận đối chiếu. Đối với công nợ tạm ứng chưa có đối chiếu là do đây là khoản công nợ cũ từ nhiều năm trở về trước công ty đã tạm ứng cho các đơn vị thi công các công trình, tuy nhiên các Đơn vị của các đơn vị này hiện đã nghỉ việc từ lâu nên không thể ký được đối chiếu, Công ty cũng đã trích lập dự phòng những khoản công nợ này.

+ Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng do sau khi mua lại khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và mua lại 72% cổ phần của Công ty CP xây dựng số 8 Thăng Long. Đơn vị có phát sinh Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty XD số 8 Thăng Long trong việc sử dụng, khai thác Văn phòng và nhà kho tại địa chỉ số 86 Tân Xuân- Phường Xuân Đình- Q.Bắc Từ Liêm- TP Hà Nội. Sau khi hoàn thành biên bản đối chiếu, xác nhận khối lượng hoàn thành, công nợ, Đơn vị sẽ cần trừ một phần công nợ của hợp đồng hợp tác đầu tư để giảm nợ phải thu của Công ty XD số 8 Thăng Long nên đơn vị chưa thực hiện trích lập dự phòng.

+ Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, đơn vị Kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận của một số khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 là do tình hình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đặc biệt là trong khoảng thời gian từ Tháng 1 và 2 năm 2022 (thời gian để thu thập thông tin cung cấp cho kiểm toán) việc đối chiếu, xác nhận công nợ bị hạn chế trong phương thức trao đổi dẫn đến việc thống nhất xác nhận số liệu bị kéo dài, không kịp thời. Mặt khác cũng do ảnh hưởng của dịch bệnh, suy thoái kinh tế, một số khách hàng đã tạm dừng hoạt động, thay đổi trụ sở làm việc, thay đổi pháp nhân dẫn đến đơn vị chưa có cơ sở xác nhận đối chiếu. Đối với công nợ tạm ứng chưa có đối chiếu là do đây là khoản công nợ cũ từ nhiều năm trở về trước công ty đã tạm ứng cho các đơn vị thi công các công trình, tuy nhiên

các Đội trưởng của các đơn vị này hiện đã nghỉ việc từ lâu nên không thể ký được đối chiếu, Công ty cũng đã trích lập dự phòng những khoản công nợ này.

+ Khoản Lỗ lũy kế, khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá Vốn chủ sở hữu là do việc đơn vị hạch toán chi phí lãi vay hàng năm của Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm của đơn vị. Cuối tháng 1 năm 2022, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã hoàn tất việc bán đấu giá toàn bộ 2,563 triệu cổ phần (tương đương hơn 49% Vốn điều lệ) và khoản nợ phải thu đối với Công ty cổ phần Lilama 3 (LM3) có giá trị hơn 381 tỷ đồng thông qua đấu giá công khai tại SHS. Ban giám đốc cũng đã làm việc nhóm Nhà đầu tư mới trong việc tìm kiếm các giải pháp tháo gỡ khó khăn về mặt tài chính cho Đơn vị. Các Nhà đầu tư mới cam kết, bên cạnh việc đầu tư thêm nguồn lực tài chính vào doanh nghiệp sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm, tái cấu trúc tài chính cho doanh nghiệp bằng cách xóa nợ, chuyển nợ thành vốn góp, phê duyệt các biện pháp cơ cấu tài chính để doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng âm Vốn chủ sở hữu.

Vậy Công ty cổ phần LILAMA 3 xin giải trình cho Quý Cơ quan và Quý nhà đầu tư được biết.

IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp để hoàn thành những chỉ tiêu SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2021, tuy nhiên trong năm 2021 dịch Covid tiếp tục diễn biến phức tạp tại Việt Nam, trực tiếp làm ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước dẫn đến việc không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Kết quả sản lượng năm 2021 đạt 26,9 tỷ đồng, chỉ đạt 31% so với kế hoạch năm 2021 và đạt 39,5% so với sản lượng năm 2020.
- Doanh thu năm 2021 đạt 26,407 tỷ đồng, đạt 31,8% so với kế hoạch năm 2021 và đạt 36% so với năm 2020.

Nguyên nhân chính dẫn đến giảm sản lượng, doanh thu là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài cùng với việc thực hiện các biện pháp phòng tránh dịch bệnh dẫn đến các dự án thi công bị đình trệ, thi công không đúng tiến độ ... dẫn đến chậm nghiệm thu với Chủ đầu tư, nhiều dự án dự kiến triển khai thi công cũng bị tạm dừng kéo dài thời gian khởi công...

2. Cơ cấu và hoạt động của HĐQT năm 2021:

2.1. Cơ cấu HĐQT:

Các thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 gồm:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ hiện tại	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Lưu Văn Kính	Chủ tịch HĐQT	0	0%	Đại diện quản lý 10% vốn của DATC (tương ứng 515.000 cổ phần)
2	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	77.401	1,504%	
3	Phạm Công Hoan	Thành viên HĐQT	77.648	1,508%	Miễn nhiệm từ

					21/6/2021
4	Đình Tiến Thành	Thành viên HĐQT	20.674	0,401%	Bổ nhiệm từ 21/6/2021
4	Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên	0	0%	Đại diện quản lý 24,87 % vốn của DATC (tương ứng 1.276.000 cổ phần)
5	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên	0	0%	Đại diện quản lý 15% vốn của DATC (tương ứng 772.500 cổ phần)

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó:

- 02/05 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT điều hành, giữ chức vụ Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc
- 03/05 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT không điều hành.

2.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2021:

Hoạt động của HĐQT từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 gồm:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lưu Văn Kính	Chủ tịch	7	100%	
2	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	7	100%	
3	Ông Phạm Công Hoan	Thành viên	7	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên	7	100%	
5	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên	7	100%	

- Tổng các cuộc họp của HĐQT trong năm 2021: 7
 - Tổng số các nghị quyết/quyết định ban hành: 09
- Trong năm 2021, HĐQT đã tập trung vào một số công tác sau:
- Thống nhất thông qua phương án thoái toàn bộ phần vốn của LILAMA 3 tại LILAMA 3.3
 - Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C tại BIDV- Chi nhánh Ba đình.
 - Cơ cấu lại thời hạn trả nợ lãi vay, thời hạn gia hạn số tiền lãi đến hạn từ 25/07/2021 đến ngày 25/05/2022 được trả vào ngày 25/06/2022.
 - Thống nhất bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ (2021-2026)
 - Thống nhất Lựa chọn đơn vị Kiểm toán AFC Việt Nam.
 - Thống nhất về việc Bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama3.

- Chỉ đạo thực hiện việc thoái vốn và công nợ phải thu Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) tại Công ty cổ phần Lilama3:

- DATC đã thực hiện thoái vốn và lựa chọn đơn vị thẩm định giá vốn, triển khai thoái vốn tại LILAMA 3, thuê đơn vị có chức năng bán đấu giá vốn cổ phần, tổ chức và thực hiện bán toàn bộ cổ phần kèm công nợ phải thu của DATC tại LILAMA 3 theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Các Nghị Quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban điều hành tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh trong năm 2021.

- Ngoài các cuộc họp HĐQT trên, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT đồng thời chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.- Cơ cấu lại tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý của Công ty;

3. Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban Giám Đốc:

- HĐQT đã bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình về giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

- HĐQT luôn xem xét một cách khách quan, dân chủ, cẩn trọng và kỹ lưỡng trước khi quyết định phê duyệt đề xuất của Tổng giám đốc nhằm mang lại lợi ích tối đa và hạn chế rủi ro ở mức thấp nhất cho doanh nghiệp.

- Đây mạnh nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Từng bước hoàn thiện cơ chế và chuẩn hóa quy trình hoạt động của doanh nghiệp, thuận lợi cho quá trình điều hành của Tổng giám đốc được thể hiện qua các quy chế, quy định quản trị nội bộ. Phân cấp toàn bộ cho Tổng giám đốc trong việc đàm phán, ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế nhằm đảm bảo tính chủ động, kịp thời trong việc kiến tạo các hợp đồng kinh tế mới trên nguyên tắc đảm bảo có hiệu quả (không bị thua lỗ) và chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hiệu quả kinh tế của các hợp đồng kinh tế.

- HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ với Tổng giám đốc thực hiện những giải pháp hợp lý nhằm kích thích những yếu tố tích cực, khắc phục kịp thời các mặt hạn chế; công khai minh bạch mọi hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý, cổ đông và người lao động có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

- Các nội dung giám sát và chỉ đạo thực hiện, cụ thể:

+ Công tác chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty và các công ty thành viên;

+ Công bố thông tin theo quy định và pháp luật hiện hành;

+ Việc kiến tạo, ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế;

+ Công tác xử lý tài sản, thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ cá nhân;

+ Việc tái cơ cấu tài chính với DATC;

+ Công tác quyết toán các dự án đầu tư;

+ Đánh giá, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng quý, đề ra các biện pháp chỉ đạo kịp thời Tổng giám đốc thực hiện có hiệu quả cao nhất.

4. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như đã trình bày tại báo cáo của Ban điều hành:

- Định hướng của Công ty cổ phần LILAMA 3 là tiếp tục phát triển thế mạnh sẵn có của công ty, phát triển năng lực về chế tạo, xây lắp và bảo dưỡng. Với ý nghĩa quan trọng đó, HĐQT xác định các chỉ tiêu cho năm 2022 cụ thể là:

- Các chỉ tiêu Ban điều hành xây dựng và trình ĐHĐCĐ là các chỉ tiêu hợp lý. Tuy nhiên, HĐQT cũng yêu cầu Ban điều hành vẫn cần khai thác tối đa cơ hội thị trường, cơ hội kinh doanh, đồng thời tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực tài chính và nguồn lực con người, chuẩn bị các điều kiện tốt nhất để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hồ sơ thanh toán, quyết toán các công trình đã và đang thi công nhằm thu hồi vốn kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả của Công tác thu hồi vốn bằng việc phân công cụ thể rõ ràng cho từng cán bộ công nhân viên, giám sát chặt chẽ, đôn đốc xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện, thường xuyên theo dõi và đánh giá hiệu quả quản lý khoản nợ phải thu. Đa dạng các hình thức thu nợ, sử dụng dịch vụ thu hồi nợ của các công ty.

- Bố trí kịp thời nguồn vốn phục vụ công tác thi công các công trình. Ưu tiên thanh toán lương cho người lao động, nợ đọng thuế. Về nợ đọng bảo hiểm xã hội: Thanh toán toàn bộ số BHXH, BHYT phát sinh trong năm và ưu tiên 1 phần nguồn để thanh toán trả nợ cũ.

- Tập trung đẩy mạnh công tác tái cơ cấu tài chính tại Công ty, giảm Lỗ tài chính lũy kế đã kéo dài trong nhiều năm qua, tăng hạn mức tín dụng tại ngân hàng để khắc phục tình trạng thiếu vốn cho sản xuất.

- Tăng cường hơn nữa cho công tác tiếp thị các dự án để tạo thêm việc làm cho người lao động;

- Ban điều hành phải tăng cường hơn nữa công tác điều hành, quản lý hiện trường để kiểm soát tốt hơn chất lượng thi công;

Trong năm 2022, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, thực hiện công tác quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2022.

V. Báo cáo tình hình Quản trị Công ty

Công ty tuân thủ quy chế quản trị Công ty theo quy định của UBCKNN, tham khảo các mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến trong ngành để xây dựng, phát triển quy chế quản trị nội bộ công ty, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện được tốt chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT công ty đã thực hiện đầy đủ các Báo cáo tình hình quản trị và giám sát việc thực hiện công bố thông tin gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà nội đồng thời đăng tải công khai tại website của Công ty, qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị đồng thời để các cổ đông kịp thời nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

VI. Cơ cấu và kế hoạch hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát

1. Cơ cấu Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Phạm Xuân Rạng	Trưởng ban	
2	Ông Hoàng Mạnh Quảng	Kiểm soát viên	
3	Ông Trần Huy Long	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2021
4	Ông Tạ Như Điền	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2021

2. Hoạt động của BKS

Nhiệm vụ chung:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2022, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ, thời gian thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất 1 tuần.

Nhiệm vụ cụ thể:

a. Quý I năm 2022:

- Xem xét các Báo cáo tài chính năm 2021;
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành ;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b. Quý II năm 2022:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2022;
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các vấn đề khác.

c. Quý III năm 2022:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2022;
- Xem xét Báo cáo tài chính 6 tháng;
- Các vấn đề khác.

d. Quý IV năm 2022

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2022;
- Tình hình xử lý các vấn đề tồn tại;
- Các vấn đề khác.

VII. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Thù lao HĐQT, BKS

Thù lao HĐQT, BKS, Thụ ký năm 2021 cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng làm việc	Tiền thu lao tháng	Tiền thu lao năm	Ghi chú
1	Lưu Văn Kính	Chủ tịch	12	3.000.000	36.000.000	

		HĐQT				
2	Nguyễn Tiến Thành	TV.HĐQT	12	2.500.000	30.000.000	
3	Phạm Công Hoan	TV.HĐQT	5	2.500.000	12.500.000	
4	Đình Tiến Thành	TV.HĐQT	7	2.500.000	17.500.000	
5	Nguyễn Văn Thuyết	TV.HĐQT	12	2.500.000	30.000.000	
6	Nguyễn Quốc Khánh	TV.HĐQT	12	2.500.000	30.000.000	
7	Phạm Xuân Rạng	Trưởng BKS	12	2.500.000	30.000.000	
8	Trần Huy Long	Kiểm soát viên	5	2.000.000	10.000.000	
9	Hoàng Mạnh Quảng	Kiểm soát viên	12	2.000.000	24.000.000	
10	Tạ Như Điền	Kiểm soát viên	7	2.000.000	14.000.000	
11	Vũ thị Thu Hương	Thư ký	4	1.500.000	6.000.000	
12	Đỗ Thị Hiền	Thư ký	8	1.500.000	12.000.000	
	Tổng cộng			21.000.000	252.000.000	

2. *Giao dịch cổ phiếu với cổ động nội bộ*: Không

3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: Không

VIII. Báo cáo tài chính

A. Báo cáo tài chính riêng Kiểm toán 2021

Số: 012/2022/BCKTTH-PB.00407

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2022, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2021 là 4.110.000.000 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” (mã số 137) và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán phản ánh thừa số tiền 4.110.000.000 VND. Đồng thời chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (mã số 26) phản ánh thiếu và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh thừa số tiền nêu trên.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị khoảng 59 tỷ VND, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ VND, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 52 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2021 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021.

Trong năm 2021 khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 ghi nhận trên báo cáo tài chính của Công ty là 482.234.338.193 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 409.076.909.844 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 417.564.277.928 VND. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc đầu tư tiếp tục của các Cổ đông và việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng nào liên quan đến vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7.3 của Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính để trình bày lại số liệu so sánh.

ONG THÊ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM .

- CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
				VND	VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.996.101.529	181.041.093.088
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	389.690.029	223.624.766
1.	Tiền	111		389.690.029	223.624.766
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.505.922.207	157.983.235.640
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	78.338.533.472	100.395.770.121
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.970.762.120	6.329.848.214
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	28.361.313.758	28.996.545.662
4.	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(48.113.582.024)	(49.687.823.238)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	71.948.894.881	71.948.894.881
IV.	Hàng tồn kho	140		21.816.426.650	22.550.170.039
1.	Hàng tồn kho	141	5.7	21.816.426.650	22.550.170.039
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		284.062.643	284.062.643
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		284.062.643	284.062.643
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.487.368.084	10.755.811.749
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		4.723.463.611	5.569.760.039
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	4.723.463.611	5.569.760.039
	- Nguyên giá	222		37.132.085.520	37.132.085.520
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.408.621.909)	(31.562.325.481)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
	- Nguyên giá	228		41.620.000	41.620.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.620.000)	(41.620.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.233.003.176	1.078.651.598
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.233.003.176	1.078.651.598
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	166.956.022	1.213.254.766
1.	Đầu tư vào công ty con	251		13.084.000.000	17.929.000.000
2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.917.043.978)	(16.715.745.234)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		2.363.945.275	2.894.145.346
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.363.945.275	2.894.145.346
TỔNG TÀI SẢN		270		167.483.469.613	191.796.904.837

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		576.560.379.457	589.551.445.130
I. Nợ ngắn hạn	310		576.560.379.457	589.551.445.130
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	56.140.125.046	74.914.625.459
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	8.827.956.102	9.473.835.603
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.001.845.466	11.653.139.358
4. Phải trả người lao động	314		3.149.447.329	5.277.692.037
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	14.618.364.416	15.257.122.811
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	69.360.873.469	65.876.947.640
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	419.441.507.894	407.077.822.487
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.259.735	20.259.735
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(409.076.909.844)	(397.754.540.293)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(409.076.909.844)	(397.754.540.293)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.250.000.000	14.250.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.173.239.116	7.173.239.116
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		234.189.233	234.189.233
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(482.234.338.193)	(470.911.968.642)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(470.911.968.642)	(398.084.710.641)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.322.369.551)	(72.827.258.001)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		167.483.469.613	191.796.904.837

Nguyễn Tiến Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	26.407.134.364	73.400.705.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.407.134.364	73.400.705.123
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	24.255.633.952	73.323.459.706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.151.500.412	77.245.417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	319.454	1.583.583
7. Chi phí tài chính	22	6.4	12.074.416.503	18.032.401.183
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.028.117.759	17.772.661.417
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.499.877.637	7.537.392.382
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.422.474.274)	(25.490.964.565)
11. Thu nhập khác	31	6.5	6.593.997.913	767.113.109
12. Chi phí khác	32	6.6	2.493.893.190	48.103.406.545
13. Lợi nhuận khác	40		4.100.104.723	(47.336.293.436)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(11.322.369.551)	(72.827.258.001)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.322.369.551)	(72.827.258.001)

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(11.322.369.551)	(72.827.258.001)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		846.296.428	4.401.872.441
- Các khoản dự phòng	03		(5.372.942.470)	210.379.489
- (Lãi) hoạt động đầu tư	05		(319.454)	114.800.849.682
- Chi phí lãi vay	06		11.028.117.759	17.772.661.417
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.821.217.288)	64.358.505.028
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.051.554.647	(74.121.159.624)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		733.743.389	12.712.143.343
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(22.173.226.436)	(16.485.371.415)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		530.200.071	(1.435.521.205)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.961.817.403)	(2.587.929.846)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.640.763.020)	(17.559.333.719)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(154.351.578)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	90.897.096.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		597.175.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		319.454	1.583.583
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		443.142.876	90.898.679.583
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		30.175.679.376	61.868.974.614
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.811.993.969)	(135.059.816.739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.363.685.407	(73.190.842.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		166.065.263	148.503.739
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	223.624.766	75.121.027
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	389.690.029	223.624.766

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 VND, tổng số Cổ phần là 5.150.000 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/Cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2021, công ty có 3 công ty con và 2 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Lilama 3.4	Số 927 Hùng Vương, TP. Việt Trì, Phú Thọ	59,36%	59,36%
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	51%	51%
Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	Số 86 Tân Xuân, P. Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%	72%
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc, TP. Việt Trì, Phú Thọ	Chi nhánh	
Trung tâm tư vấn thiết kế	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Chi nhánh	

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4 Lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 83 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 117 người).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản cố nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn Cổ phần

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn Cổ phần".

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng. Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

4.12 Giá vốn

Phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng hóa tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho mất mát, hao hụt, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có)).

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng bao gồm: Chi phí nhân công tại công trường; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao gồm cả thiết bị cho công trình; Khấu hao máy móc, thiết bị và các TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng; Chi phí vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ máy móc, thiết bị và nguyên liệu, vật liệu đến và đi khỏi công trình; Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc, thiết bị để thực hiện hợp đồng; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật liên quan trực tiếp đến hợp đồng; Chi phí dự tính để sửa chữa và bảo hành công trình; Các chi phí liên quan trực tiếp khác. (Chi phí liên quan trực tiếp của từng hợp đồng sẽ được giảm khi có các khoản thu nhập khác không bao gồm trong doanh thu của hợp đồng. Ví dụ: Các khoản thu từ việc bán nguyên liệu, vật liệu thừa, thu thanh lý máy móc, thiết bị thi công khi kết thúc hợp đồng.)

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng, bao gồm: Chi phí bảo hiểm; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật không liên quan trực tiếp đến một hợp đồng cụ thể; Chi phí quản lý chung trong xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các chi phí trên được phân bổ theo các phương pháp thích hợp một cách có hệ thống theo tỷ lệ hợp lý và được áp dụng thống nhất cho tất cả các chi phí có các đặc điểm tương tự. Việc phân bổ cần dựa trên mức thông thường của hoạt động xây dựng.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, dụng cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm giảm số lỗ được chuyển khi tính thuế TNDN.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	149.365.759	30.477.093
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	240.324.270	193.147.673
Cộng	389.690.029	223.624.766

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	74.228.533.472	96.285.770.121
- Công ty Cổ phần TCE Vina DENIM	547.638.958	19.276.000.000
- Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam	12.256.285.561	11.727.140.689
- Công ty CRI - CT Nhiệt Điện Nghi Sơn 2	2.606.304.407	9.788.050.031
- Công ty Cổ phần Lisemco	7.166.882.001	7.166.882.001
- Công ty Cổ phần mặt dựng CAG	5.749.308.651	-
- Công ty Cổ Phần Xây dựng FLC FAROS	5.131.676.500	500.000.000
- Khách hàng khác	40.770.437.394	47.827.697.400
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	4.110.000.000	4.110.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	4.110.000.000	4.110.000.000
Cộng	78.338.533.472	100.395.770.121

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.321.328.720	5.959.414.814
- Công ty Cổ phần SXKD Thép Tân Hưng	866.299.844	866.299.844
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	868.188.137
- Khách hàng khác	3.586.840.739	4.224.926.833
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	649.433.400	370.433.400
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	649.433.400	370.433.400
Cộng	5.970.762.120	6.329.848.214

5.4 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	28.361.313.758	(7.892.648.559)	28.996.545.662	(7.892.648.559)
- Phải thu khác	21.539.483.269	(3.521.925.754)	22.084.134.168	(3.521.925.754)
- Tạm ứng	6.821.830.489	(4.370.722.805)	6.912.411.494	(4.370.722.805)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.361.313.758	(7.892.648.559)	28.996.545.662	(7.892.648.559)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khách hàng		38.365.054.066	(38.326.023.883)		39.939.295.280	(39.900.265.097)
- Công ty Cổ phần Lisemco	> 3 năm	7.166.882.001	(7.166.882.001)	> 3 năm	7.166.882.001	(7.166.882.001)
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	> 3 năm	4.206.430.034	(4.206.430.034)	> 3 năm	4.206.430.034	(4.206.430.034)
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	> 3 năm	5.283.708.000	(5.283.708.000)	> 3 năm	5.283.708.000	(5.283.708.000)
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	> 3 năm	2.663.068.439	(2.663.068.439)	> 3 năm	2.663.068.439	(2.663.068.439)
- Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam	> 3 năm	1.974.479.851	(1.974.479.851)	> 3 năm	2.483.932.675	(2.483.932.675)
- Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV	> 3 năm	1.915.071.667	(1.915.071.667)	> 3 năm	1.915.071.667	(1.915.071.667)
- Công ty Cổ phần LILAMA5	> 3 năm	1.841.160.504	(1.841.160.504)	> 3 năm	1.841.160.504	(1.841.160.504)
- Công ty TNHH MTV Phiabjooc	> 3 năm	1.455.082.688	(1.455.082.688)	> 3 năm	1.455.082.688	(1.455.082.688)
- Công ty Cổ phần LILAMA Thị nghiệm cơ điện	> 3 năm	1.240.824.355	(1.240.824.355)	> 3 năm	1.240.824.355	(1.240.824.355)
- Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	> 3 năm	1.027.882.745	(1.027.882.745)	> 3 năm	1.027.882.745	(1.027.882.745)
- Đối tượng khác	2-3 năm, > 3 năm	9.590.463.782	(9.551.433.599)	2-3 năm, > 3 năm	10.655.252.172	(10.616.221.989)
b. Phải thu khác		7.892.648.559	(7.892.648.559)		7.892.648.559	(7.892.648.559)
- Tạm ứng nhân viên	> 3 năm	4.370.722.805	(4.370.722.805)	> 3 năm	4.370.722.805	(4.370.722.805)
- Đối tượng khác	> 3 năm	3.521.925.754	(3.521.925.754)	> 3 năm	3.521.925.754	(3.521.925.754)
c. Trả trước cho người bán		1.894.909.582	(1.894.909.582)		1.894.909.582	(1.894.909.582)
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	> 3 năm	868.188.137	(868.188.137)	> 3 năm	868.188.137	(868.188.137)
- Đối tượng khác	> 3 năm	1.026.721.445	(1.026.721.445)	> 3 năm	1.026.721.445	(1.026.721.445)
Cộng		48.152.612.207	(48.113.582.024)		49.726.853.421	(49.687.823.238)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)		71.391.018.932		71.391.018.932
- Tài sản khác		557.875.949		557.875.949
Cộng	-	71.948.894.881	-	71.948.894.881

(i): Chi phí đầu tư dự án Nhà máy Bạch học chưa đủ điều kiện quyết toán theo quy định.

5.7 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.681.263.126	-	1.749.110.713	-
- Công cụ, dụng cụ	393.328	-	1.338.538	-
- Chi phí SXKD dở dang	20.134.770.196	-	20.799.720.788	-
Cộng	21.816.426.650	-	22.550.170.039	-

5.8 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	2.363.945.275	2.894.145.346
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.471.029.495	2.894.145.346
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	44.455.797	-
- Các khoản khác	848.459.983	-
Cộng	2.363.945.275	2.894.145.346

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	41.620.000	41.620.000
Số cuối năm	41.620.000	41.620.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số đầu năm	41.620.000	41.620.000
Số cuối năm	41.620.000	41.620.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 41.620.000 VND (tại ngày 31/12/2020 là 41.620.000 VND).

Nguyễn

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢPCho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
- Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập	577.910.298	577.910.298
- Hạ tầng khu C	500.741.300	500.741.300
- Nhà xưởng Bến Gót	154.351.578	-
Cộng	<u><u>1.233.003.176</u></u>	<u><u>1.078.651.598</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.11 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	460.600.507	22.250.647.983	13.946.912.031	473.924.999	37.132.085.520
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	460.600.507	22.250.647.983	13.946.912.031	473.924.999	37.132.085.520
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	460.600.507	17.816.599.056	12.811.200.919	473.924.999	31.562.325.481
- Khấu hao trong năm		693.544.156	152.752.272		846.296.428
Số cuối năm	460.600.507	18.510.143.212	12.963.953.191	473.924.999	32.408.621.909
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	-	4.434.048.927	1.135.711.112	-	5.569.760.039
Số cuối năm	-	3.740.504.771	982.958.840	-	4.723.463.611

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 28.957.282.535 VND (tại ngày 31/12/2020 là 25.082.036.914 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc		Giá trị hợp lý		Số cuối năm		Giá gốc		Giá trị hợp lý		Số đầu năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Đầu tư vào công ty con	13.084.000.000	-	(12.917.043.978)	-	17.929.000.000	-	(16.715.745.234)	4.845.000.000	(i)	(4.845.000.000)		
- Công ty Cổ phần Lilama 3.3	-	-	-	-	2.990.000.000	(i)	(2.990.000.000)	2.990.000.000	(i)	(2.990.000.000)		
- Công ty Cổ phần Lilama 3.4	2.990.000.000	(i)	(2.990.000.000)		5.814.000.000	(i)	(5.647.043.978)	5.814.000.000	(i)	(4.600.745.234)		
- Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toroyo	5.814.000.000	(i)	(5.647.043.978)		4.280.000.000	(i)	(4.280.000.000)	4.280.000.000	(i)	(4.280.000.000)		
- Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	4.280.000.000	(i)	(4.280.000.000)									
Cộng	13.084.000.000	-	(12.917.043.978)		17.929.000.000		(16.715.745.234)					

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5.13 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	52.587.651.382	52.587.651.382	71.286.151.795	71.286.151.795
- Công ty Cổ phần Thép Tân Hưng	11.012.855.207	11.012.855.207	11.032.855.207	11.032.855.207
- Công ty TNHH Công nghiệp OKWON (Liên danh CT Dệt)	-	-	19.773.908.747	19.773.908.747
- Cty TNHH MTV Thiết bị cơ khí Duyên Thế Kỳ VN	2.313.327.461	2.313.327.461	2.313.327.461	2.313.327.461
- Phải trả khác	39.261.468.714	39.261.468.714	38.166.060.380	38.166.060.380
b. Các khoản phải trả người bán là bên liên quan	3.552.473.664	3.552.473.664	3.628.473.664	3.628.473.664
- Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	1.780.352.518	1.780.352.518	1.756.352.518	1.756.352.518
- Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toroyo	1.772.121.146	1.772.121.146	1.872.121.146	1.872.121.146
Cộng	56.140.125.046	56.140.125.046	74.914.625.459	74.914.625.459

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp, đã giảm trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	5.001.845.466	2.776.038.010	9.427.331.902	11.653.139.358
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.491.315.577	2.640.713.514	8.312.055.245	10.162.657.308
- Thuế thu nhập cá nhân	405.646.724	27.102.453	847.030.473	1.225.574.744
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	34.249.731	-	-	34.249.731
- Các loại thuế khác	70.633.434	108.222.043	268.246.184	230.657.575
Cộng	5.001.845.466	2.776.038.010	9.427.331.902	11.653.139.358

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.15 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.827.956.102	9.473.835.603
- Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	2.882.458.062	2.882.458.062
- Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn	2.101.516.200	2.101.516.200
- Tổng Công ty Viễn Thông Quân Đội- Viettel	785.000.000	785.000.000
- Khách hàng khác	3.058.981.840	3.704.861.341
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	8.827.956.102	9.473.835.603

5.16 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	14.618.364.416	15.257.122.811
- Trích trước chi phí công trình	5.625.156.713	7.432.824.199
- Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	5.449.540.424	5.122.267.697
- Trích trước chi phí khác	3.543.667.279	2.702.030.915
b. Dài hạn	-	-
Cộng	14.618.364.416	15.257.122.811

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	69.360.873.469	65.876.947.640
- Kinh phí công đoàn	1.509.008.997	1.430.203.479
- Bảo hiểm xã hội	35.008.281.619	31.444.725.994
- Bảo hiểm y tế	2.656.753.371	2.379.865.784
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.718.254.303	2.599.997.656
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.468.575.179	28.022.154.727
+ Đoàn phí công đoàn	981.706.797	939.596.569
+ Phải trả các tổ đội thi công	16.466.896.318	15.712.733.598
+ Phải trả đối tượng khác	10.019.972.064	11.369.824.560
b. Dài hạn	-	-
Cộng	69.360.873.469	65.876.947.640

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn		419.441.507.894	419.441.507.894	30.175.679.376	17.811.993.969	407.077.822.487	407.077.822.487
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình ⁽¹⁾	29.992.492.765	29.992.492.765	11.785.110.741	10.786.993.969	28.994.375.993	28.994.375.993
-	Vay cá nhân ⁽²⁾	6.440.000.000	6.440.000.000	9.729.000.000	7.025.000.000	3.736.000.000	3.736.000.000
-	Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Tonyo	1.450.000.000	1.450.000.000	-	-	1.450.000.000	1.450.000.000
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam ⁽³⁾	381.559.015.129	381.559.015.129	8.661.568.635	-	372.897.446.494	372.897.446.494
b) Vay dài hạn		-	-	-	-	-	-
	Cộng	419.441.507.894	419.441.507.894	30.175.679.376	17.811.993.969	407.077.822.487	407.077.822.487

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/399106/HĐTD ngày 16/11/2021 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/10/2022. Hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ VND. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.

(2) Vay ngắn hạn của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 6-12 tháng, lãi suất 3-5%/năm, hình thức đảm bảo: tín chấp.

(3) Phải trả Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã mua lại. Cuối năm 2021 số tiền nợ gốc là 148.705.200.000 VND, số tiền lãi là 232.853.815.129 VND. Cụ thể số dư nợ theo các Hợp đồng mua bán nợ sau:
 - Hợp đồng mua bán nợ số 33/2013-HĐMBN ngày 28/06/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với số nợ gốc là 208.298.749.263 VND, tiền lãi và phạt chậm trả là 52.992.855.579 VND. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là Các máy móc thiết bị vận tải, sản phẩm CYNCROLIFT và toàn bộ máy móc thiết bị nhà xưởng hình thành từ dự án "Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu".
 - Hợp đồng mua bán nợ số 35/2013-HĐMBN ngày 04/07/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với số nợ gốc là 6.395.342.929 VND, tiền lãi và phạt chậm trả là 2.795.112.384 VND. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là toàn bộ kết cấu thép cầu Suối Mương Toa thuộc dự án thủy điện Nậm Toóng.
 - Hợp đồng mua bán nợ và chuyển nhượng Cổ phần số 18/2016-HĐMBN-CP ngày 30/03/2016 giữa Tổng công ty Láp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam. Mua bán lại số công nợ phải trả của Công ty CP Lilama 3 với Tổng công ty Láp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với số nợ gốc là 53.391.000.000 VND, tiền lãi phải trả là 23.906.350.625 VND. Cùng với đó là 2.563.600 Cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(398.084.710.641)	(324.927.282.292)					
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(72.827.258.001)					
31/12/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(470.911.968.642)	(397.754.540.293)					
01/01/2021	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(470.911.968.642)	(397.754.540.293)					
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(11.322.369.551)	(11.322.369.551)					
31/12/2021	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(482.234.338.193)	(409.076.909.844)					

5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC)	25.630.000.000	25.630.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	25.870.000.000
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000

5.19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu hoạt động xây lắp	26.407.134.364	73.400.705.123
Cộng	26.407.134.364	73.400.705.123

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	24.255.633.952	73.323.459.706
Cộng	24.255.633.952	73.323.459.706

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	319.454	1.583.583
Cộng	319.454	1.583.583

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Chi phí lãi vay	11.028.117.759	17.772.661.417
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.046.298.744	259.739.766
Cộng	<u>12.074.416.503</u>	<u>18.032.401.183</u>

6.5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Bán phế liệu	1.348.267.000	741.296.000
- Các khoản khác	5.245.730.913	25.817.109
Cộng	<u>6.593.997.913</u>	<u>767.113.109</u>

6.6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	44.869.747.600
- Các khoản bị phạt	2.108.069.884	2.904.206.212
- Bán vật tư	336.076.710	324.452.733
- Các khoản chi phí khác	49.746.596	5.000.000
Cộng	<u>2.493.893.190</u>	<u>48.103.406.545</u>

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Chi phí nguyên vật liệu	13.481.845.899	21.295.072.372
- Chi phí nhân công	10.200.883.058	23.252.623.598
- Khấu hao tài sản cố định	846.296.428	4.401.872.439
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.760.666.441	17.622.092.531
- Chi phí bằng tiền khác	800.869.171	1.496.544.416
Cộng	<u>29.090.560.997</u>	<u>68.068.205.356</u>

6.8. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	389.690.029	223.624.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.699.847.230	129.392.315.783
Đầu tư dài hạn	166.956.022	1.213.254.766
Cộng	107.256.493.281	130.829.195.315
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	419.441.507.894	407.077.822.487
Phải trả người bán và phải trả khác	83.608.700.225	102.936.780.186
Chi phí phải trả	14.618.364.416	15.257.122.811
Cộng	517.668.572.535	525.271.725.484
Trạng thái ròng	(410.412.079.254)	(394.442.530.169)

Tại ngày 31/12/2021 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Vay và nợ thuê tài chính	419.441.507.894	-	419.441.507.894
Phải trả người bán và phải trả khác	83.608.700.225	-	83.608.700.225
Chi phí phải trả	14.618.364.416	-	14.618.364.416
Cộng	517.668.572.535	-	517.668.572.535
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	407.077.822.487	-	407.077.822.487
Phải trả người bán và phải trả khác	102.936.780.186	-	102.936.780.186
Chi phí phải trả	15.257.122.811	-	15.257.122.811
Cộng	525.271.725.484	-	525.271.725.484

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	389.690.029	-	389.690.029
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.699.847.230	-	106.699.847.230
Đầu tư dài hạn	-	166.956.022	166.956.022
Cộng	107.089.537.259	166.956.022	107.256.493.281
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	223.624.766	-	223.624.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.392.315.783	-	129.392.315.783
Đầu tư dài hạn	-	1.213.254.766	1.213.254.766
Cộng	129.615.940.549	1.213.254.766	130.829.195.315

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.9 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

7 Thông tin khác

7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng			
- Lưu Văn Kính	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
- Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Phạm Công Hoan	Thành viên HĐQT	27.500.000	100.838.693
- Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	242.505.077	240.895.387
- Đinh Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Phó TGĐ	187.791.363	168.977.492
- Nguyễn Hải Phong	Phó TGĐ	108.992.966	108.867.085
- Nguyễn Tăng Phụng	Phó TGĐ	154.973.118	169.198.492
- Phạm Xuân Rạng	Trưởng BKS	30.000.000	30.000.000
- Hoàng Mạnh Quảng	Kiểm soát viên	24.000.000	24.000.000
- Trần Huy Long	Kiểm soát viên	10.000.000	24.000.000
- Tạ Như Điển	Kiểm soát viên	78.432.327	-
- Nguyễn Đức Thịnh	Kế toán trưởng	170.291.363	168.977.492
Tổng cộng		1.130.486.214	1.131.754.641

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	8.661.568.635
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Công ty con	Lãi vay phải trả	132.312.500

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Vay	(381.559.015.129)
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Công ty con	Vay	(1.450.000.000)
		Phải trả người bán	(1.772.121.146)
		Phải thu khác	3.192.000
		Phải trả khác	1.335.637.503
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.110.000.000
Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	Công ty con	Phải trả người bán	(1.780.352.518)
		Phải thu khác	193.448.671
		Phải trả khác	(305.000.000)

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và số liệu so sánh năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/6/2021, cụ thể:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Ngày 31/12/2020	
		Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
TÀI SẢN			71.391.018.932
Tài sản thiếu chờ xử lý	71.948.894.881	557.875.949	71.391.018.932
NGUỒN VỐN			71.391.018.932
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(470.911.968.642)	(542.302.987.574)	71.391.018.932

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Năm 2020	
		Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Chi phí khác	48.103.406.545	119.494.425.477	(71.391.018.932)
Lợi nhuận khác	(47.336.293.436)	(118.727.312.368)	71.391.018.932
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(72.827.258.001)	(144.218.276.933)	71.391.018.932
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(72.827.258.001)	(144.218.276.933)	71.391.018.932

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Năm 2020	
		Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Tăng, giảm các khoản phải thu	(74.121.159.624)	(2.730.140.692)	(71.391.018.932)
Lợi nhuận trước thuế	(72.827.258.001)	(144.218.276.933)	71.391.018.932

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31/12/2021 khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty là 482.234.338.193 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 409.076.909.844 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 417.564.277.928 VND. Các chỉ tiêu nêu trên cho thấy Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Ban Tổng Giám đốc đã có kế hoạch mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 sẽ khả quan, do đó theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

B. Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021

Số: 012/2022/BCKTHN-PB.00407

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2022, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đính kèm không bao gồm hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long theo quy định hiện hành. Chúng tôi không được cung cấp các bằng chứng, hồ sơ kiểm toán nào liên quan đến nguyên nhân không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long cũng như không được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc nếu thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long đến Bảng

cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

- Ngày 5/7/2021, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty con là Công ty Cổ phần Lilama 3.3. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đính kèm không hợp nhất kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1/1/2021 đến 5/7/2021 của Công ty Cổ phần Lilama 3.3 theo quy định hiện hành. Chúng tôi không được cung cấp các bằng chứng, hồ sơ kiểm toán nào liên quan đến nguyên nhân không thực hiện hợp nhất Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Lilama 3.3 cũng như không được cung cấp Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1/1/2021 đến 5/7/2021 của Công ty này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc nếu thực hiện hợp nhất Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Lilama 3.3 đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.
- Báo cáo tài chính năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 của Công ty cổ phần Lilama 3.4 chưa được kiểm toán. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu và tồn tại của tổng giá trị tài sản 28.394.459.795 đồng của Công ty con này tại ngày 31/12/2021 khi hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất và cũng không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu chênh lệch ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 hay không.
- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số /2022/IACHN/BCKT ngày 07/3/2021, theo đó Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến trên cơ sở:

(i) Giá định hoạt động liên tục: (lỗ thuần sau thuế năm 2021 của Công ty là 2.051.566.164 VND, lỗ lũy kế đến 31/12/2021 là 11.072.635.249 VND), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2021 âm 614.682.428 VND. Ngày 05/12/2017, Hội đồng thành viên Công ty đã họp và quyết định sẽ giải thể Công ty trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Ý định này của Hội đồng thành viên đã được ghi lại trong biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty vào ngày 05/12/2017. Tại ngày của Báo cáo này, Hội đồng thành viên của Công ty chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng:

- Tiếp tục giải thể Công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty; hoặc
- Cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ 3.

Tuy nhiên, khả năng cơ cấu lại hoặc chuyển nhượng phần vốn này phụ thuộc vào việc Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ của Công ty, cũng như việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư. Do đó, khả năng thực hiện cơ cấu hoặc chuyển nhượng phần vốn để Công ty tiếp tục hoạt động phụ thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai mà bản chất là không chắc chắn và có ảnh hưởng trọng yếu đến tính phù hợp của giả định hoạt động liên tục.

(ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (chỉ tiêu 135) và Phải thu ngắn hạn khác (chỉ tiêu 136) trên Bảng cân đối kế toán đính kèm bao gồm khoản gốc phải thu về cho vay và lãi phải thu về cho vay với Công ty Cổ phần LILAMA3 có số dư lần lượt là 1.450.000.000 VND và 1.335.637.003 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Các khoản phải thu này đều đã quá hạn. Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản này.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty được lập dựa vào Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty con này.

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị khoảng 59 tỷ VND, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ VND, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 52 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2021 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế

toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2021.

- Công ty trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2021 là 4.110.000.000 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” (mã số 137) và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán phản ánh thừa số tiền 4.110.000.000 VND. Đồng thời chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (mã số 26) phản ánh thiếu và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh thừa số tiền nêu trên.
- Trong năm 2021 khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 ghi nhận trên báo cáo tài chính của Công ty là 482.234.338.193 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 409.076.909.844 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 417.564.277.928 VND. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc đầu tư tiếp tục của các Cổ đông và việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng nào liên quan đến vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề được nêu tại đoạn “cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7.3 của Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất để trình bày lại số liệu so sánh.

ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
- CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.835.382.387	218.155.319.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	526.297.465	1.221.915.765
1. Tiền	111		526.297.465	1.221.915.765
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.000.880.632	174.622.560.796
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	91.011.882.796	115.701.685.676
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.531.383.148	9.622.401.709
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	31.142.473.788	33.051.209.840
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(53.452.562.213)	(56.520.439.542)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	72.767.703.113	72.767.703.113
IV. Hàng tồn kho	140		38.821.973.656	41.766.612.710
1. Hàng tồn kho	141	5.7	38.821.973.656	41.766.612.710
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		486.230.634	544.230.632
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	-	57.999.998
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		431.780.888	431.780.888
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	54.449.746	54.449.746
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.326.379.520	10.164.654.228
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.668.688.331	5.803.196.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	4.668.688.331	5.803.196.477
- Nguyên giá	222		42.935.470.500	44.546.403.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.266.782.169)	(38.743.207.404)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		104.050.000	135.265.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(104.050.000)	(135.265.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.233.003.176	1.078.651.598
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.233.003.176	1.078.651.598
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.280.000.000	4.280.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.280.000.000)	(4.280.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.424.688.013	3.282.806.153
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.424.688.013	3.282.806.153
TỔNG TÀI SẢN	270		196.161.761.907	228.319.974.131

101
102
103

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		613.419.647.499	660.749.145.678
I. Nợ ngắn hạn	310		613.408.395.612	660.737.893.791
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	61.372.516.157	89.991.409.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	12.819.567.102	15.380.381.603
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	8.040.353.270	15.062.442.738
4. Phải trả người lao động	314		4.305.986.041	6.893.880.131
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	14.992.118.098	23.313.521.372
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	92.905.926.549	98.965.216.633
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	418.922.135.894	411.040.668.823
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		49.792.501	90.373.311
II. Nợ dài hạn	330		11.251.887	11.251.887
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11.251.887	11.251.887
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(417.257.885.592)	(432.429.171.547)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(417.257.885.592)	(432.429.171.547)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.250.000.000	14.250.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.321.404.463	7.520.905.007
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		252.309.767	318.809.965
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(487.500.089.349)	(497.824.129.678)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(477.110.892.285)	(424.780.392.007)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(10.389.197.064)	(73.043.737.671)
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(3.081.510.473)	(8.194.756.841)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		196.161.761.907	228.319.974.131

Nguyễn Tiến Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	28.906.430.867	99.783.442.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		28.906.430.867	99.783.442.091
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	25.657.592.978	95.362.349.139
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.248.837.889	4.421.092.952
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	408.310.646	137.187.597
7. Chi phí tài chính	22	6.4	10.895.805.259	18.936.411.252
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.895.805.259</i>	<i>18.907.130.525</i>
8. Chi phí bán hàng	25		91.281.092	190.503.051
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.549.159.708	10.851.125.789
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.879.097.524)	(25.419.759.543)
11. Thu nhập khác	31	6.6	6.817.474.890	1.247.084.239
12. Chi phí khác	32	6.7	2.493.893.191	49.129.925.075
13. Lợi nhuận khác	40		4.323.581.699	(47.882.840.836)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.555.515.825)	(73.302.600.379)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(10.555.515.825)	(73.302.600.379)
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(10.389.197.064)	(73.043.737.671)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(166.318.761)	(258.862.708)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(2.017)	(14.183)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	(2.017)	(14.183)

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo PP gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10.555.515.825)	(73.302.600.379)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		846.296.428	4.401.872.441
- Các khoản dự phòng	03		(3.067.877.329)	11.305.265
- (Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá	04		-	29.280.727
- (Lãi) hoạt động đầu tư	05		(408.310.646)	114.711.480.649
- Chi phí lãi vay	06		-	18.907.130.525
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(13.185.407.372)	64.758.469.228
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.595.605.425	(76.708.678.474)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		738.684.589	22.367.406.622
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(23.400.883.821)	(24.496.419.180)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		530.200.071	(1.331.220.353)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(2.587.929.846)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	66.208.723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.721.801.108)	(17.932.163.280)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(154.351.578)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		218.727.273	90.897.096.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		597.175.000	-
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		946.706	137.187.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		662.497.401	91.034.283.597
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		30.175.679.376	62.844.143.724
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.811.993.969)	(135.979.369.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.363.685.407	(73.135.225.346)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(695.618.300)	(33.105.029)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.221.915.765	1.255.078.981
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		-	(58.187)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	526.297.465	1.221.915.765

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 VND, tổng số Cổ phần là 5.150.000 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/Cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại hợp nhất, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2020, công ty có 4 công ty con và 2 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty cổ phần Lilama 3.3	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	79,48%	79,48%
Công ty Cổ phần Lilama 3.4	Số 927 Hùng Vương, tp. Việt Trì, Phú Thọ	59,36%	59,36%
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	51%	51%
Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%	72%
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc, tp. Việt Trì, Phú Thọ	Chi nhánh	
Trung tâm tư vấn thiết	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê	Chi nhánh	

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

kế Linh, Hà Nội

Tại ngày 31/12/2021, công ty có 3 công ty con và 2 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Lilama 3.4	Số 927 Hùng Vương, tp. Việt Trì, Phú Thọ	59,36%	59,36%
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	51%	51%
Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%	72%
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc, tp. Việt Trì, Phú Thọ	Chi nhánh	
Trung tâm tư vấn thiết kế	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Chi nhánh	

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT(III) ngày 17/5/2021, Hội đồng quản trị đã thông qua quyết định thoái toàn bộ vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Lilama 3.3 với số lượng cổ phần là 484.500 cổ phần, phương thức thực hiện: bán đấu giá.

1.4 Lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 83 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 117 người).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các Công ty con

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập đến ngày 31/12/2021.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo của kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho đến ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản cố nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn Cổ phần

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn Cổ phần".

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng. Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

4.12 Giá vốn

Phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng hóa tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho mất mát, hao hụt, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có)).

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng bao gồm: Chi phí nhân công tại công trường; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao gồm cả thiết bị cho công trình; Khấu hao máy móc, thiết bị và các TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng; Chi phí vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ máy móc, thiết bị và nguyên liệu, vật liệu đến và đi khỏi công trình; Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc, thiết bị để thực hiện hợp đồng; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật liên quan trực tiếp đến hợp đồng; Chi phí dự tính để sửa chữa và bảo hành công trình; Các chi phí liên quan trực tiếp khác. (Chi phí liên quan trực tiếp của từng hợp đồng sẽ được giảm khi có các khoản thu nhập khác không bao gồm trong doanh thu của hợp đồng. Ví dụ: Các khoản thu từ việc bán nguyên liệu, vật liệu thừa, thu thanh lý máy móc, thiết bị thi công khi kết thúc hợp đồng.)

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng, bao gồm: Chi phí bảo hiểm; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật không liên quan trực tiếp đến một hợp đồng cụ thể; Chi phí quản lý chung trong xây dựng.

Các chi phí trên được phân bổ theo các phương pháp thích hợp một cách có hệ thống theo tỷ lệ hợp lý và được áp dụng thống nhất cho tất cả các chi phí có các đặc điểm tương tự. Việc phân bổ cần dựa trên mức thông thường của hoạt động xây dựng.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, dụng cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm giảm số lỗ được chuyển khi tính thuế TNDN.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	153.815.408	103.954.995
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	372.482.057	1.117.960.770
Cộng	526.297.465	1.221.915.765

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	91.011.882.796	115.701.685.676
- Công ty Cổ phần TCE Vina DENIM	547.638.958	19.276.000.000
- Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam	12.256.285.561	11.727.140.689
- Công ty CRI - CT Nhiệt Điện Nghi Sơn 2	2.606.304.407	9.788.050.031
- Công ty Cổ phần Lisemco	7.166.882.001	7.166.882.001
- Công ty Cổ phần mặt dựng CAG	5.749.308.651	-
- Công ty Cổ Phần Xây dựng FLC FAROS	5.131.676.500	500.000.000
- Khách hàng khác	57.553.786.718	67.243.612.955
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	95.121.882.796	119.811.685.676
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	4.110.000.000	4.110.000.000
Cộng	91.011.882.796	115.701.685.676

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.881.949.748	9.251.968.309
- Công ty Cổ phần SXKD Thép Tân Hưng	866.299.844	866.299.844
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	868.188.137
- Khách hàng khác	4.147.461.767	7.517.480.328
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	649.433.400	370.433.400
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	649.433.400	370.433.400
Cộng	6.531.383.148	9.622.401.709

5.4 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	31.142.473.788	(7.892.648.559)	33.051.209.840	(7.892.648.559)
- Phải thu khác	23.243.484.357	(3.521.925.754)	24.639.982.223	(3.521.925.754)
- Tạm ứng	7.898.989.431	(4.370.722.805)	8.411.227.617	(4.370.722.805)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	31.142.473.788	(7.892.648.559)	33.051.209.840	(7.892.648.559)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khách hàng		43.704.034.254	(43.665.004.072)	47.219.718.524	(46.732.881.401)
- Công ty Cổ phần Lisemco	> 3 năm	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	> 3 năm	4.206.430.034	(4.206.430.034)	4.206.430.034	(4.206.430.034)
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	> 3 năm	5.283.708.000	(5.283.708.000)	5.283.708.000	(5.283.708.000)
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	> 3 năm	2.663.068.439	(2.663.068.439)	2.663.068.439	(2.663.068.439)
- Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam	> 3 năm	1.974.479.851	(1.974.479.851)	2.483.932.675	(2.483.932.675)
- Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV	> 3 năm	1.915.071.667	(1.915.071.667)	1.915.071.667	(1.915.071.667)
- Công ty Cổ phần LILAMA5	> 3 năm	1.841.160.504	(1.841.160.504)	1.841.160.504	(1.841.160.504)
- Công ty TNHH MTV Phiabjooc	> 3 năm	1.455.082.688	(1.455.082.688)	1.455.082.688	(1.455.082.688)
- Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện	> 3 năm	1.240.824.355	(1.240.824.355)	1.240.824.355	(1.240.824.355)
- Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	> 3 năm	1.027.882.745	(1.027.882.745)	1.027.882.745	(1.027.882.745)
- Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ Hưng Vượng	> 3 năm	1.504.736.200	(1.504.736.200)	1.504.736.200	(1.504.736.200)
- Đối tượng khác	2-3 năm, > 3 năm	13.424.707.770	(13.385.677.588)	16.430.939.216	(15.944.102.093)
b. Phải thu khác		7.892.648.559	(7.892.648.559)	7.892.648.559	(7.892.648.559)
- Tạm ứng nhân viên	> 3 năm	4.370.722.805	(4.370.722.805)	4.370.722.805	(4.370.722.805)
- Đối tượng khác	> 3 năm	3.521.925.754	(3.521.925.754)	3.521.925.754	(3.521.925.754)
c. Trả trước cho người bán		1.894.909.582	(1.894.909.582)	1.894.909.582	(1.894.909.582)
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh	> 3 năm	868.188.137	(868.188.137)	868.188.137	(868.188.137)
- Đối tượng khác	> 3 năm	1.026.721.445	(1.026.721.445)	1.026.721.445	(1.026.721.445)
Cộng		53.491.592.395	(53.452.562.213)	57.007.276.665	(56.520.439.542)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)		71.391.018.932		71.391.018.932
- Tài sản khác		1.376.684.181		1.376.684.181
Cộng		- 72.767.703.113		- 72.767.703.113

(i): Chi phí đầu tư dự án Nhà máy Bạch học chưa đủ điều kiện quyết toán theo quy định.

5.7 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.681.263.126	-	1.940.282.409	-
- Công cụ, dụng cụ	393.328	-	33.265.935	-
- Chi phí SXKD dở dang	36.994.910.566	-	39.262.313.117	-
- Hàng hóa	145.406.636	-	530.751.249	-
Cộng	38.821.973.656	-	41.766.612.710	-

5.8 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	-	57.999.998
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	57.999.998
Dài hạn	2.424.688.013	3.282.806.153
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.531.772.233	2.894.145.346
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	44.455.797	-
- Các khoản khác	848.459.983	388.660.807
Cộng	2.424.688.013	3.340.806.151

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	135.265.000	135.265.000
- Giảm do thoái vốn tại công ty con	(31.215.000)	(31.215.000)
Số cuối năm	104.050.000	104.050.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số đầu năm	135.265.000	135.265.000
- Giảm do thoái vốn tại công ty con	(31.215.000)	(31.215.000)
Số cuối năm	104.050.000	104.050.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 104.050.000 VND (tại ngày 31/12/2020 là 104.050.000 VND).

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập	577.910.298	577.910.298
- Hạ tầng khu C	500.741.300	500.741.300
- Nhà xưởng Bến Gót	154.351.578	-
Cộng	1.233.003.176	1.078.651.598

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.11 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	3.746.100.789	24.548.214.879	15.637.226.850	614.861.363	44.546.403.881
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(642.463.000)	-	(642.463.000)
- Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(897.670.381)	-	(70.800.000)	(968.470.381)
Số cuối năm	<u>3.746.100.789</u>	<u>23.650.544.498</u>	<u>14.994.763.850</u>	<u>544.061.363</u>	<u>42.935.470.500</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	3.746.100.789	19.856.470.157	14.547.056.276	593.580.182	38.743.207.404
- Khấu hao trong năm	-	693.544.156	152.752.272	-	846.296.428
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(642.463.000)	-	(642.463.000)
- Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(630.739.844)	-	(49.518.819)	(680.258.663)
Số cuối năm	<u>3.746.100.789</u>	<u>19.919.274.469</u>	<u>14.057.345.548</u>	<u>544.061.363</u>	<u>38.266.782.169</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	-	4.691.744.722	1.090.170.574	21.281.181	5.803.196.477
Số cuối năm	-	3.731.270.029	937.418.302	-	4.668.688.331

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 34.815.442.795 VND (tại ngày 31/12/2020 là 30.940.197.174 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)
- Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	4.280.000.000	(i)	(4.280.000.000)	4.280.000.000	(i)	(4.280.000.000)
Cộng	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)	4.280.000.000	-	(4.280.000.000)

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5.13 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty Cổ phần Thép Tân Hưng	11.012.855.207	11.012.855.207	11.032.855.207	11.032.855.207
- Công ty TNHH Công nghiệp OKWON (Liên danh CT Dệt)	-	-	19.773.908.747	19.773.908.747
- Cty TNHH MTV Thiết bị cơ khí Duyên Thế Kỳ VN	2.313.327.461	2.313.327.461	2.313.327.461	2.313.327.461
- Công ty TNHH Thai DNT Paint MFG	3.324.231.988	3.324.231.988	3.873.025.117	3.873.025.117
- Phải trả khác	44.722.101.501	44.722.101.501	52.998.292.648	52.998.292.648
Cộng	61.372.516.157	61.372.516.157	89.991.409.180	89.991.409.180

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	6.120.603.434	8.417.749.478	2.640.713.514	-	11.897.639.398
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.449.746	-	-	-	54.449.746	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	454.815.488	1.085.029.363	-	-	1.539.844.851
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	199.035.851	-	-	-	199.035.851
- Các loại thuế khác	-	1.265.898.497	268.246.184	108.222.043	-	1.425.922.638
Cộng	54.449.746	8.040.353.270	9.771.025.025	2.748.935.557	54.449.746	15.062.442.738

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.15 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.819.567.102	15.380.381.603
- Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	2.882.458.062	2.882.458.062
- Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn	2.101.516.200	2.101.516.200
- Tổng Công ty Viễn Thông Quân Đội- Viettel	785.000.000	785.000.000
- Khách hàng khác	7.050.592.840	9.611.407.341
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	12.819.567.102	15.380.381.603

5.16 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	14.992.118.098	23.313.521.372
- Trích trước chi phí công trình	5.625.156.713	7.432.824.199
- Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	5.449.540.424	5.122.267.697
- Trích trước chi phí lãi vay	-	5.113.361.484
- Trích trước chi phí thuê tài sản	-	2.491.031.818
- Trích trước chi phí khác	3.917.420.961	3.154.036.174
b. Dài hạn	-	-
Cộng	14.992.118.098	23.313.521.372

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	92.905.926.549	98.965.216.633
- Kinh phí công đoàn	1.686.876.759	2.744.354.958
- Bảo hiểm xã hội	36.319.869.201	36.686.028.098
- Bảo hiểm y tế	2.685.130.455	2.415.470.498
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.732.785.512	2.617.643.145
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.481.264.622	54.501.719.934
+ Đoàn phí công đoàn	939.596.569	939.596.569
+ Phải trả các tổ đội thi công	15.712.733.598	15.712.733.598
+ Phải trả đối tượng khác	32.828.934.455	37.849.389.767
b. Dài hạn	-	-
Cộng	92.905.926.549	98.965.216.633

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm			
a.	Vay ngắn hạn	418.922.135.894	418.922.135.894	30.175.679.376	22.294.212.305	411.040.668.823	411.040.668.823	
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình ⁽¹⁾	29.992.492.765	29.992.492.765	11.785.110.741	10.786.993.969	28.994.375.993	28.994.375.993	
-	Vay cá nhân ⁽²⁾	7.370.628.000	7.370.628.000	9.729.000.000	7.207.616.779	4.849.244.779	4.849.244.779	
-	Ngân hàng TMCP SHB - CN Hà Nội	-	-	-	4.299.601.557	4.299.601.557	4.299.601.557	
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam ⁽³⁾	381.559.015.129	381.559.015.129	8.661.568.635	-	372.897.446.494	372.897.446.494	
b.	Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-	
	Cộng	418.922.135.894	418.922.135.894	30.175.679.376	22.294.212.305	411.040.668.823	411.040.668.823	

⁽¹⁾ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/399106/HĐTD ngày 16/11/2021 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/10/2022. Hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ VND. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.

⁽²⁾ Vay ngắn hạn của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 6-12 tháng, lãi suất 3-5%/năm, hình thức đảm bảo: tín chấp.

⁽³⁾ Phải trả Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã mua lại. Cuối năm 2021 số tiền nợ gốc là 148.705.200.000 VND, số tiền lãi là 232.853.815.129 VND. Cụ thể số dư nợ theo các Hợp đồng mua bán nợ sau:
 - Hợp đồng mua bán nợ số 33/2013-HĐMBN ngày 28/06/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với số nợ gốc là 208.298.749.263 VND, tiền lãi và phạt chậm trả là 52.992.855.579 VND. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là Các máy móc thiết bị vận tải, sàn nâng CYNCROLIFT và toàn bộ máy móc thiết bị nhà xưởng hình thành từ dự án "Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu".
 - Hợp đồng mua bán nợ số 35/2013-HĐMBN ngày 04/07/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với số nợ gốc là 6.395.342.929 VND, tiền lãi và phạt chậm trả là 2.795.112.384 VND. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là toàn bộ kết cấu thép cầu Suối Mương Toa thuộc dự án thủy điện Nậm Tồng.

- Hợp đồng mua bán nợ và chuyển nhượng Cổ phần số 18/2016-HĐMBN-CP ngày 30/03/2016 giữa Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam. Mua bán lại số công nợ phải trả của Công ty CP Lilama 3 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với số nợ gốc là 53.391.000.000 VND, tiền lãi phải trả là 23.906.350.625 VND. Cùng với đó là 2.563.600 Cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	-	7.520.905.007	318.809.965	(424.846.542.542)	(7.935.894.134)	(359.192.721.704)					
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	66.150.535	-	66.150.535					66.150.535
- Tăng khác	-	-	-	-	-	66.150.535	-	66.150.535					66.150.535
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	(73.043.737.671)	(258.862.708)	(73.302.600.379)					
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(73.043.737.671)	(258.862.708)	(73.302.600.379)					
31/12/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	-	7.520.905.007	318.809.965	(497.824.129.678)	(8.194.756.841)	(432.429.171.547)					
01/01/2021	51.500.000.000	14.250.000.000	-	7.520.905.007	318.809.965	(497.824.129.678)	(8.194.756.841)	(432.429.171.547)					
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	25.558.237.393	6.553.886.731	32.112.124.124					
- Tăng do thoái vốn	-	-	-	-	-	25.558.237.393	6.553.886.731	32.112.124.124					
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	(199.500.544)	(66.500.198)	(15.234.197.064)	(1.440.640.363)	(16.940.838.169)					
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(10.389.197.064)	(166.318.761)	(10.555.515.825)					
- Giảm do thoái vốn	-	-	-	(199.500.544)	(66.500.198)	-	(68.682.544)	(334.683.286)					
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(4.845.000.000)	(1.205.639.058)	(6.050.639.058)					
31/12/2021	51.500.000.000	14.250.000.000	-	7.321.404.463	252.309.767	(487.500.089.349)	(3.081.510.473)	(417.257.885.592)					

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC)	25.630.000.000	25.630.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	25.870.000.000
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000

5.19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu hoạt động xây lắp	28.906.430.867	99.783.442.091
Cộng	28.906.430.867	99.783.442.091

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	25.657.592.978	95.362.349.139
Cộng	25.657.592.978	95.362.349.139

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	946.206	137.187.597
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.910.391	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	405.454.049	-
Cộng	408.310.646	137.187.597

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	10.895.805.259	18.907.130.525
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	29.280.727
Cộng	10.895.805.259	18.936.411.252

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	2.061.826.196	1.429.392.114
- Chi phí nhân công	5.033.802.379	7.150.557.502
- Chi phí khấu hao TSCĐ	129.405.272	181.518.119
- Thuế, phí, lệ phí	18.265.449	87.323.690
- Chi phí dự phòng	(838.563.124)	11.305.265
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	854.672.882	1.541.589.661
- Chi phí khác bằng tiền	289.750.654	449.439.438
Cộng	7.549.159.708	10.851.125.789

6.6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Bán phế liệu	1.348.267.000	671.267.130
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	218.727.273	550.000.000
- Các khoản khác	5.250.480.617	25.817.109
Cộng	6.817.474.890	1.247.084.239

6.7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	44.869.747.600
- Các khoản bị phạt	2.108.069.884	3.757.038.034
- Bán vật tư	336.076.710	324.452.733
- Các khoản chi phí khác	49.746.597	178.686.708
Cộng	2.493.893.191	49.129.925.075

6.8. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(15.629.868.593)	(73.043.737.671)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.150.000	5.150.000
Số cổ phiếu dự kiến phát hành (CP)	-	-
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	(3.035)	(14.183)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên vật liệu	13.481.845.899	24.527.398.244
- Chi phí nhân công	11.289.385.828	29.422.093.999
- Khấu hao tài sản cố định	846.296.428	4.484.907.420
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.367.920.758	19.461.370.566
- Chi phí bằng tiền khác	953.901.222	1.827.556.984
Cộng	30.939.350.135	79.723.327.213

6.9 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm	Giá trị ghi sổ
	VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	526.297.465	1.221.915.765
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.154.356.584	148.752.895.516
Đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	122.680.654.049	149.974.811.281
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	418.922.135.894	411.040.668.823
Phải trả người bán và phải trả khác	110.853.780.779	144.493.129.114
Chi phí phải trả	14.992.118.098	23.313.521.372
Cộng	544.768.034.771	578.847.319.309
Trạng thái ròng	(422.087.380.722)	(428.872.508.028)

Tại ngày 31/12/2021 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Vay và nợ thuê tài chính	418.922.135.894	-	418.922.135.894
Phải trả người bán và phải trả khác	110.853.780.779	-	110.853.780.779
Chi phí phải trả	14.992.118.098	-	14.992.118.098
Cộng	544.768.034.771	-	544.768.034.771
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	411.040.668.823	-	411.040.668.823
Phải trả người bán và phải trả khác	144.493.129.114	-	144.493.129.114
Chi phí phải trả	23.313.521.372	-	23.313.521.372
Cộng	578.847.319.309	-	578.847.319.309

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	526.297.465	-	526.297.465
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.154.356.584	-	122.154.356.584
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	122.680.654.049	-	122.680.654.049
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.221.915.765	-	1.221.915.765
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.752.895.516	-	148.752.895.516
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	149.974.811.281	-	149.974.811.281

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

6.10 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

7 Thông tin khác

7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng			
- Lưu Văn Kính	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
- Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Phạm Công Hoan	Thành viên HĐQT	27.500.000	100.838.693
- Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	242.505.077	240.895.387
- Đinh Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Phó TGD	187.791.363	168.977.492
- Nguyễn Hải Phong	Phó TGD	108.992.966	108.867.085
- Nguyễn Tăng Phương	Phó TGD	154.973.118	169.198.492
- Phạm Xuân Rạng	Trưởng BKS	30.000.000	30.000.000
- Hoàng Mạnh Quảng	Kiểm soát viên	24.000.000	24.000.000
- Trần Huy Long	Kiểm soát viên	10.000.000	24.000.000
- Tạ Như Điển	Kiểm soát viên	78.432.327	-
- Nguyễn Đức Thịnh	Kế toán trưởng	170.291.363	168.977.492
Tổng cộng		1.130.486.214	1.131.754.641

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	8.661.568.635

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Vay	(381.559.015.129)
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.110.000.000

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và số liệu so sánh năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/6/2021, cụ thể:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31/12/2020			
Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
TÀI SẢN			71.391.018.932
Tài sản thiếu chờ xử lý	72.767.703.113	1.376.684.181	71.391.018.932
NGUỒN VỐN			71.391.018.932
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(497.824.129.678)	(569.215.148.610)	71.391.018.932

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020			
Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Chi phí khác	49.129.925.075	120.520.944.007	(71.391.018.932)
Lợi nhuận khác	(47.882.840.836)	(119.273.859.768)	71.391.018.932
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(73.302.600.379)	(144.693.619.311)	71.391.018.932
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(73.302.600.379)	(144.693.619.311)	71.391.018.932
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(73.043.737.671)	(144.434.756.603)	71.391.018.932

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020			
Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Tăng, giảm các khoản phải thu	(76.708.678.474)	(5.317.659.542)	(71.391.018.932)
Lợi nhuận trước thuế	(73.302.600.379)	(144.693.619.311)	71.391.018.932

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hà nội, ngày 08 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3



TÔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Liên Thành